

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 4 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 12

Trong giải thích về sở duyên của tác ý. Từ đây trở xuống, là thứ ba, là nói chung, Văn có làm bảy phần:

1. Lý do tu tập tác ý.
2. Bốn duyên nhập Đăng chí.
3. Bốn người được định.
4. Sự sai khác của vị tịnh định v.v....
5. Bốn phần định khác nhau.
6. Thứ lớp siêu việt nhập xuất.

7. Huân tu sai khác. Nghĩa là tức đối với các tướng kia của tác ý kia, cho đến chủ thể tác (năng tác) bốn việc, v.v....

Luận sư Cảnh giải thích: “Nghĩa là tác ý, tư duy trong bốn tướng: Như tướng sở duyên (đối tượng duyên), tướng nhân duyên v.v... có khả năng làm bốn việc:

1. Tức tu tập tác ý như thế.
2. Khả năng xa lìa phiền não đối trị kia.
3. Khả năng tôi luyện tác ý này và ngoài ra còn giúp trở nên sáng suốt rực rỡ:

4. Nhàm chán đối tượng duyên, khiến cho phiền não không nối tiếp.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Lại, chính lúc tu tập tác ý này, nhàm chán, hủy hoại đối tượng duyên, (sở duyên) là đạo gia hạnh. Xả các phiền não là đạo Vô gián. Gìn giữ, đoạn diệt là đạo giải thoát, khiến cho các phiền não xa lìa nối tiếp nhau là đạo Thắng tấn.

Trong bốn nhân duyên Đăng chí, sức nhân, nghĩa là đời trước đã, nhập định dùng làm sức nhân. Đây là thuận với giáo lý Tiểu thừa để lập ra lý luận phân biệt này. Đại thừa chính thức dùng hạt giống định để làm sức nhân, cũng có thể y cứ vào thời gian gần gũi nhập tĩnh lực, sau

phát công năng của hạt giống định được tăng trưởng, sinh ra định vào thời nay, là do sức của nhân đó.

Trong bốn người được định, Luận sư Bị nói: “Ái v.v... là “hoặc” của địa trên, chẳng phải cõi Dục, do chế phục dục tham v.v..., mới nhập định.”

Nghĩa này không đúng, vì thức luận nói: “Chủ yếu là người được định căn bản kia, vì phiền não của địa đó chấp nhận hiện tiền. Người chưa khởi định này đâu chấp nhận trước khởi ái v.v... của địa trên?”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Bốn căn vô ký này, bốn người được định khởi bốn thứ này, tất nhiên chẳng phải một người có thể khởi đủ bốn. Ái tức số tham; kiến là kiến thủ; mạn là ngã mạn; nghi là nghi si. Trong đây, trước nghe mà khởi là chưa được định, trước khởi bốn căn, thì chẳng phải chỉ có tánh vô ký, vì cõi Dục có cả bất thiện, hoặc sau khi được định xong, khởi bốn thứ, mới là vô ký.”

Luận sư Cảnh giải thích: “Thấy tĩnh lực trên nói: “Trước dựa vào tà giáo, khởi lên thường kiến”, kế là nói “phương tiện như thế, người nhập sơ tĩnh lực v.v... có thể được thanh tịnh v.v....”

Sư kia lại bảo: “Nếu người nhập tám định như thế, sẽ được thường, ngã, thanh tịnh, giải thoát v.v....”

Lại, dựa vào lời dạy ấy rồi sinh kiến thủ. Người đó dựa vào thường kiến, kiến thủ, tu tinh tấn mạnh mẽ, nhập sơ định, hoặc định khác v.v.... Lại, nhờ sức định, thấy được việc trong quá khứ, lại nảy sinh thường kiến. Kế là nói, nhờ dựa vào kiến, tu được tĩnh lực. Sau đó, nương tựa sức định, biết chuyện trong quá khứ, lại sinh thường kiến. Vào thời gian sau, dựa vào thường kiến, lại sinh kiến thủ.”

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Như thế nhập định rồi, có thể nhớ nghĩ đến nhiều kiếp quá khứ, rồi nảy sinh kiến v.v... này. Do được định rồi, khởi lên bốn thường kiến, duyên chung thế gian, chẳng phải chỉ vì y cứ ở định, nên chẳng phải kiến thuộc về tĩnh lực trên. Chấp kiến này không bỏ, gọi là kiến thủ. Nhưng trong văn này chỉ nói là năng được tịnh, không nói thể thù thắng, sự thật thì khó chỉ bày rõ. Vì được vượt hơn thì dễ. Cho nên định v.v... là đối tượng nương tựa (sở y) của thường kiến, vì uẩn cũng là cảnh của kiến thủ.

Trong đây, ái duyên địa trên, Duy Thức giải thích đầy đủ trước khi chưa được định, ngã mạn “duyên” địa này sinh, đồng địa mà chấp. “duyên” chung năm uẩn rồi mới có thể. Cho nên sau khi được định, mạn “duyên” địa kia khởi, vì cũng đồng địa, không duyên riêng ngã mạn, “duyên” địa khác sinh.

Duyên chung thì có thể như thế. Như Duy Thức nói: “Một pháp nghi kia, xem thế văn đó, chỉ người tu xuất thế, khởi nghi “duyên” thánh đế, y cứ vượt hơn, nghĩa là nói thông suốt qua cái khác có. Đối với định vượt hơn khác, cũng khởi nghi, cho nên, trước khi chưa được định thì tánh có cả bất thiện. Nếu được định về sau, gọi là vô ký căn. Phiền não định này là căn bản, nên khởi sinh phiền não.

Trong định ái vị, Pháp Sư Khuy Cơ nói hai nghĩa:

Thông suốt qua hữu vị chí, y theo tác ý tướng liễu ở trên đã chung cho văn tuệ, tâm tán của địa vị chí, nào ngại gì tâm nhiễm, có ở địa vị chí, cần phải được định căn bản, được tự tại rồi mới khởi hiện tiền.

Địa Vị Chí không có nhiễm. Tướng liễu cũng chẳng phải chung cho văn tuệ. Vị được ái kia sẽ nói là đã phát ra vị năng ái, sẽ nói là người chính thức nhập định. Trước kia nói là đã được định rồi, tức là sinh vị ái, e rằng người nghi ở trong định tĩnh khởi lên vị ái này?

Nay, nói vị sở ái, định thanh tịnh đã xuất, tâm “năng ái” phải nói là chính nhập. Pháp sư Khuy Cơ nói, định thanh tịnh đã nhập quá khứ ra khỏi hiện tại, vị định ở hiện tại nên nói là chánh nhập

Tĩnh lực thanh tịnh, nghĩa là có phiền não, hành, bạc trần hành của trung căn, lợi căn v.v..., mới có thể tu nhập. Không nói hạ căn và ba độc, thêm riêng tu được tịnh định. Ở cõi cam lộ, buộc niệm tư duy như thế, mới nhập định vô lậu. Hoặc quán Bốn đế; hoặc quán hai không, được hiển bày chân như, là tiền phương tiện, nhập định vô lậu, gọi là cõi Cam lộ. Thuận với thời phần định, nghĩa là có độn căn. Thuận với trụ phần định, Nghĩa là có trung căn, hoặc người tánh v.v... lợi căn.

Trong đây, chỉ dựa vào bốn người, vì thành lập bốn. Nói căn ở đây, chẳng phải dựa vào một người mà thành bốn thứ. Quyển mười ba ở dưới sẽ nói, kinh Tứ Kiếm Hành nói: “Dựa vào một người, vì theo thứ lớp tu. Về đạo lý cũng có người thượng căn mà lui sụt tu hạ căn; cũng có người hạ căn, mà tu thượng căn không lui sụt. Lui sụt kia là lui sụt phần định. Trụ kia là phần với tâm nhiễm, sai khác nhau. Đã không thắng tấn, cũng không lui sụt. Thuận với phần định vượt hơn, y cứ nhất định người riêng để tu định, là người lợi căn, không với tâm nhiễm mà sai khác nhau.

Quyển mười ba chép: “Thuận với thắng phần định trong kinh Tứ Kiếm Hành, chẳng phải thối, chẳng phải trụ chỉ là thắng tấn, chẳng phải thu hưởng quyết trạch. Quyết trạch tức phần, gọi là hai quyết trạch phần, phần là nói nghĩa chi, nghĩa loại. Giống như cái bình ngọc v.v... của thế gian, đã khéo phân biệt đã là bậc thánh, phân biệt, chọn lựa,

nhập vào phần hơn hết, gọi là phần quyết trạch. Như chiếc bình ngọc của thế gian đã khéo phân biệt được tinh ròng. Cho nên gọi là giản trạch phần.

Bốn thứ định này, đại khái dùng sáu môn để nói:

1. Nói về hành tướng như văn.

2. Nói về tánh, chỉ có thiện hữu lậu.

3. Dựa vào địa chung cho Sắc, Vô Sắc, Hữu đảnh cũng có thể sinh tâm vô lậu. Nhưng lấy nghĩa chuẩn xác, thì không có phần thứ tư trong bảy cận phần của địa trên không thấy với tâm vô lậu khác nhau. Mới khởi thì không thể, sau khởi có thể được. Cho nên đều có bốn phần, vì không có văn ngăn ngại.

4. Sơ có thể sinh hai: Tự và trụ phần. Trụ phần sinh ba, trừ thứ tư, thứ ba cũng sinh ba, trừ phần thối; thứ tư sinh một, nghĩa là tự loại.

5. Chỉ rõ loại khác. Thuận với phần thối; thuận với phiền não; thuận với trụ phần; thuận với tự địa, thuận với phần vượt hơn là thuận với địa trên. Thuận quyết trạch phần là thuận với vô lậu.

6. Dựa vào mà khởi. Cõi dưới, khởi bốn; hai cõi trên chỉ ba, không có sơ, vì không lui sụt.

Vô gián nhập vào Đẳng chí, ba thứ lậu, vô lậu thuần túy, tạp nhập, đều có bốn loại:

1. Thuần túy hữu lậu

2. Thuần túy vô lậu.

3. Hữu, vô lậu xen lẫn.

4. Loại. Có bốn:

a. Thuận nhập. b. Nghịch nhập. c. Thuận nghịch nhập. d. Nghịch, thuận nhập.

Trong đây, chỉ có sơ nhị, siêu việt nhập vào Đẳng chí, ba loại: Hữu lậu, vô lậu, thuần túy tạp nhập siêu vượt đều cũng có bốn. Trong đây nói chỉ có sơ nhị, vì lời văn, là chung.

Như thế gồm có hai mươi bốn câu. Trên nói về loại khác nhau: Người nào năng siêu vượt? ở đây nói người siêu vượt phải là vô học, không thể Hữu học, phải là lợi căn, chẳng thể độn căn.

Dựa vào giới: Chỉ có cõi Dục, chẳng phải hai cõi trên. Trong đây Luận sư Cảnh nói: “Thừa nhận thân ở địa dưới, được khởi tâm sinh đắc thiện của địa trên, nghĩa là được thành hai mươi bốn câu. Người xưa chứng rằng: “Y theo văn của tâm rộng, nghĩa là từ tâm phương tiện được nhập tâm không ẩn mất tâm vô ký, do tâm xuất sinh bất động cầu, không ẩn mất tâm vô ký, bất tâm phương tiện thiện vì yếu kém, nên

từ tâm định tĩnh nhập thiên nhãn, nhĩ thức. Thiên, nãn, nhĩ, thức không được khước từ nhập định tịnh. Nếu nhân ở cõi Dục không khởi sinh đắc thiên của cõi trên, thì từ thiên nhãn, nhĩ xuất sẽ ở tâm nào? Lại, La-Hán ở cõi Dục, khởi “hoặc” của hai cõi trên, nếu không khởi tâm sinh đắc thiên của cõi trên, thì sẽ từ những tâm nào nhập phiền não kia?

Lại nữa, Lúc A-la-hán vượt qua định, nếu không được tâm sinh đắc thiện của Phi tướng, thì không thành số câu. Nay, trong Đại thừa, dựa vào văn Đối-Pháp nói là hễ sinh vào bất cứ địa nào, thì đều được thành thực tâm thiện của địa đó. Y cứ được hiện khởi gọi là thành thực. Văn này tức nói thân ở địa dưới, chỉ khởi tâm sinh đắc thiện của địa dưới.

Hội với ba chứng trước. Nghĩa là các thuyết dựa vào kinh, luận mới phiên dịch, nói là năm thông kia, và tâm biến hóa đều gọi là quả thông. Thuận với chánh lý, đều nói lên phán quyết này, như lúc tu thông, chẳng có trở ngại cho việc cắt đứt mọi che lấp của thông xong, kể là thành thực trí tuệ của ý địa là thể của thông kia. Từ đây sinh năm thông và tâm biến hóa đều gọi là quả của thông, xuất nhập với tướng định. Cho nên, thiên nhãn, nhĩ từ định xuất, trở lại nhập định. Lại, người Vô học khi lui sụt khởi “hoặc” của địa trên, từ trụ phần định khởi “hoặc” đương địa. Như khi ngăn lỗi của địa trên, được từ phiền não của địa trên, nhập trụ phần tịnh định của địa dưới. Lúc Vô Học lui sụt, do không có phần lui sụt từ trụ phần kia mà nhập phiền não. Đã biết sinh xuống địa dưới, chưa khởi tâm thiện sinh đắc của địa trên. Đây là thuận, nghịch, siêu, thứ, lúc nhập tám định, không thành nhiều câu (câu: Trường hợp), đều có sáu trường hợp:

1. Hữu lậu thuận, nghịch, đều, thứ lớp nhập vào tám định.
2. Vô lậu, thuận, nghịch, đều, thứ lớp nhập bảy định.
3. Hữu lậu thuận, nghịch, gian, thứ lớp nhập tám định.
4. Hữu lậu, thuận, nghịch đều siêu, nhập vào tám định.
5. Vô lậu thuận, nghịch, đều, siêu, nhập bảy định.
6. Lậu, vô lậu, thuận, nghịch, gian, siêu, nhập vào tám định.

Nếu siêu vượt tâm cõi Sắc, xuất, có thể có tâm của văn tuệ dị-thục sinh, và tâm của thông quả.

Nay, lấy tâm của Phi tướng xuất, thì xuất ở tâm nào? Oai nghi khéo léo của tuệ Vô gián kia và tâm của thông quả chẳng phải địa khác khởi tâm thiện sinh đắc, mà là nghiệp của quả tâm dị-thục sinh không là địa khác khởi.

Y theo định diệt tận mà xuất, “duyên” ba thứ cảnh xúc, ba thứ

xúc thừa nhận “duyên” uẩn hữu vi trong, ngoài sinh, đâu ngại gì cõi Dục khởi tâm dị thực sinh của địa Hữu Đảnh, chẳng phải quả nghiệp? Nhưng về tướng thì khó biết.

Do đây, lẽ ra nói là hữu lậu, vô lậu phát ra ở các loại khác, gọi là tâm xuất, chứ chẳng phải cận phần vị tán.

- Nếu vậy hữu lậu, vô lậu gian nhập v.v... sao lại trụ ở loại khác?

Nay, nói trụ loại khác của hành tướng khác, gọi là xuất. Hoặc được khởi tâm vô ký, vẫn chưa trái lý, vì quá xa, nên không có khả năng vượt qua Đẳng chí thứ ba, chỉ trừ Như-lai đẳng. Đây là y cứ ở tự tại vượt qua tất cả địa mà nói. Nếu bảy địa trở xuống và ba-la-mật-đa thanh-văn cũng có thể vượt qua hai địa, cho đến bảy địa. Đức Mục-kiền-liên nhập định vô sở hữu xứ, nghe tiếng voi kêu v.v..., liền xuất định, vượt qua nhiều địa (trong quyển sáu mươi ba có nói về việc kiện này).

Lại, dựa vào tự tại vượt qua tất cả địa, đó là Đức Phật và Bồ-tát bất thối. Với người khác dù cũng vượt qua, nhưng không thể nhiều địa. Nếu là người nhậm vận khởi, chẳng phải khởi thiền, thì tất cả đều được, như chuyển sinh chín địa và ngài Mục-kiền-liên, cho nên ở đây không nói.

Trong huân tu, vẫn có hai:

1. Nói về hai nghĩa tạp tu.
2. Nói về tu sinh sai khác.

Huân có năm thứ:

1. Huân tu định thuần hữu lậu. Nghĩa là sinh bốn tĩnh lự của địa dưới, trừ năm Tịnh cư. Như từ đây trở xuống, nói là vì tu phẩm nhuyển trung, thượng, nên thọ quả của ba địa.

2. Huân tu định thuần vô lậu, nghĩa là tám địa trở lên, còn biến dịch sinh tử, định hữu lậu đã hết.

3. Tạp tu hữu lậu, vô lậu, tức lối tu đã nói ở đây là được tự tại đối với Đẳng chí, và vì thọ quả tự tại của Đẳng chí, nên tu tạp xen lẫn, sinh lên năm Tịnh cư v.v...

4. Tạp Huân tu định, tán hữu lậu, nghĩa là A-la-hán xả quả phước của phước mạng, hành tư mạng.

5. Tạp huân tu định, tán vô-lậu, nghĩa là người Nhị thừa và biến dịch sinh tử của Bồ-tát từ bảy địa trở xuống.

Trong tạp tu thứ ba này, hữu lậu là hai bên, một sát-na vô lậu ở giữa, gọi là tu thành mãn, như thân phàm phu tạo nghiệp năm Tịnh cư. Gieo trồng nhậm vận (tự tại) ở trong thân, chỉ có thể cảm thiên xứ cõi dưới. Do khởi mong muốn, huân tu thành tựu, viên mãn. Với sức định

vô lậu, giúp cho hạt giống nghiệp xưa, khiến cho thế lực thù thắng, sinh lên năm Tịnh cư. Cho nên chẳng phải hữu lậu, mà là ở giữa, vì thế lực yếu kém, tức không đồng với tạp tu của Tiểu thừa. Nghĩa là Tỳ-đàm v.v... nói rằng: “Trước, khởi mười sáu hạnh quán vô lậu, nhiều niệm nối tiếp nhau. Kế là nhập mười sáu hạnh quán hữu lậu, cũng nhiều niệm tiếp nối nhau.

Như thế, xoay vần dần lược hạnh duyên, cho đến vô lậu, hữu lậu đều có hai sát na, gọi là phương tiện thành tựu. Sau đó, lại khởi một niệm vô lậu, rồi lại khởi một niệm hữu lậu, là đạo Vô gián. Kế lại khởi một niệm vô lậu, là đạo giải thoát, gọi là huân thành năm phẩm. Tên huân tu có ba tâm, tức dùng hai đầu, huân tu vô lậu, vì hữu lậu ở khoảng giữa.

Lại nữa, một niệm hữu lậu đầu tiên là đạo gia hạnh dẹp bỏ chướng định. Niệm vô lậu tiếp theo là đạo Vô gián chính là diệt trừ chướng định. Lại một niệm hữu lậu kế là đạo giải thoát. Cho nên huân tu viên mãn. Nếu lấy hữu lậu làm khoảng giữa, vô lậu là đầu, sau, thì ha lấy vô lậu làm gia hạnh hữu lậu làm đạo Vô gián được ư? Kế là giải thoát ở sau cuối, vì là năng giúp đỡ, nên được giúp đỡ thuận nhau.

“Như có một người đã được hữu lậu và bốn tính lự vô lậu, v.v... Người huân tu định, phải có được bốn thứ định tính lự hữu lậu, vô lậu, mới bắt đầu huân tập trước, dùng định vô lậu thứ tư, để huân tu hữu lậu của đương địa. Kế là nhập định vô lậu thứ ba, huân tu hữu lậu của đương địa, cho đến Sơ định. Từ thượng lưu chảy xuống địa dưới, nên nói như thế.

Theo thứ lớp văn dưới đây, huân tu định có năm:

1. Đăng chí được tự tại.
2. Được thọ quả tự tại của Đăng chí, hiên pháp lạc trụ.
3. Vì được đạo bất thối kia.
4. Vì được tu đạo đối trị dẫn sinh công đức.
5. Vì được sinh Tịnh cư.

Nay, trong văn này lược nêu hai định trước: Nếu đối với nơi chốn này, thời gian này, sự việc này, người muốn nhập các định v.v... Thối Luận sư nói: “Thân sở y, danh, xứ v.v....”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Thân được trụ dựa vào danh, xứ, khởi định sáng, tối, v.v... thời tiết, v.v... danh, thời điểm, tùy theo “duyên” bất cứ cảnh nào, đều gọi là sự.

“Nếu có thủ khác”. Nghĩa là chi thủ có nghiệp tàn dư nhuận sinh, mà chết đi tức là sinh Tịnh cư.

Quả của Đẳng chí có hai:

1. Được quả công đức.
2. Sinh quả Tịnh cư.

Trong sự sai khác của tu sinh có bốn:

1. Sinh nhân.
2. Nhiễm lùì, thiện tiến tới.
3. Chỗ tu nhân.
4. Nói về sự sai khác.

Đã sinh Tịnh cư kia xong, nếu khởi vị ái, tức là lui sụt mất, nghĩa là chẳng phải là định trong địa trên, có thể có lui sụt, mà do nhiều vị ái làm hao hụt bớt mạng sống lâu, gọi là “tức là sụt mất”, đây là lui sụt sinh.

Năm môn của địa này, đã phân biệt rộng trung, thượng xong; Ba đoạn giải thích về bốn môn xong. Đoạn thứ tư dưới đây, sẽ giải thích về cương yếu tông chỉ của các kinh. Sau cùng, nói về các nghĩa.

Văn chia làm hai:

1. Giải thích tông yếu, tức giải thích thuyết trước, nêu chung bốn môn. Ba thứ sau trong tĩnh lự; giải thoát, đẳng trì, Đẳng chí, do bốn tĩnh lự trước đã giải thích.

2. Quyển mười ba sẽ giải thích về các nghĩa:

Hai đoạn này, đều giải thích nghĩa của các môn trong kinh, vì mỗi môn đều có riêng, nên chia thành hai thứ:

Trong thứ đầu, chia làm ba:

1. Nêu thuyết dưới.
2. Tùy từng thuyết, giải thích riêng.
3. Kết chung.

Trong giải thích riêng có ba:

- a. Giải thích về giải thoát.
- b. Giải thích về đẳng trì.
- c. Tam-ma-địa trở xuống.

3. Giải thích Đẳng chí, 5 hiện thấy Tam-ma-bạt-để trở xuống.

Môn đầu có bốn:

1. Giải thích danh từ giải thoát.
2. Giải thích thắng xứ
3. Giải thích biến xứ.
4. Phân biệt chung.

Dù thắng xứ, biến xứ nhưng y theo phần nêu ở trước mà nói thì đều tồn tại ở môn Đẳng chí.

Nay, vì dựa vào thứ lớp của tu sinh, nên kể đây sẽ nói về giải thoát.

Ở trước, do tùy theo người khác mà tạp khởi dẫn sinh, hoặc vì tùy theo nghĩa vượt hơn, nên lìa giải thoát, nhập môn Đẳng chí. Vì giải thoát, trừ chướng có công dụng hơn hết, nên nêu môn riêng.

Nay, vì đầu tiên tu thứ lớp, tất nhiên là như thế, cho nên nói về môn không trái nhau.

Tám giải thoát, dùng chín môn để nói. Trong văn có hai:

1. Nêu số, giải thích danh.
2. Nói về hành tướng của số, nêu số giải thích danh:

Hữu sắc quán các sắc giả thoát, cho đến diệt tận, thân giải thoát tác chứng đầy đủ là trụ.

Theo luận Câu-xá quyển 29 nói: “Đầu tiên gọi là trong có tướng sắc, quán tướng giải thoát sắc ngoài. Vì quán thêm nên đặt tên là quán tướng.”

Trong chưa dẹp bỏ kiến, nghĩa là tướng sắc gọi là trong có sắc, chỉ quán cảnh ngoài, gọi là quán sắc ngoài. Đại thừa thì không thế, chưa lìa dục cõi Sắc, dù là người đã lìa kiến, nhưng tướng sắc được an lập hiện tiền, gọi là hữu sắc. Quán chung trong ngoài, gọi là quán các sắc.”

Hỏi: “Luận Hiển-Dương v.v... gọi là trong có sắc giải thoát của tướng sắc, vì sao trong đây không nói chữ “nội”, chỉ nói “có sắc”

Ngài Tam-tạng nói: “Kinh luận bản Phạn, “nhã nhã đại”, đều không có chữ “nội”. Người dịch thêm chữ “nội”, về nghĩa cũng không ngại.”

Luận sư Bị nói: “Đầu tiên chỉ giải thoát về thể của cảnh, chưa giải thoát loại của cảnh. Sắc nghĩa là sắc của cõi Sắc, thể loại trong giải thoát thứ hai đều thoát, nên gọi là ngoài.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: xưa nói: “Trong có tướng sắc quán sắc ngoài” ở đây, cho là không đúng. Vì rằng có sắc chẳng phải chỉ ở trong; các sở quán (đối tượng quán) chẳng phải chỉ ở ngoài.

Nay, theo luận Hiển Dương, có tướng sắc nghĩa là dựa vào định có sắc, vì ý giải tư duy, các sắc là quán các sắc trong ngoài.

Nói “không có tướng sắc, nghĩa là dựa vào định không có sắc, ý giải tư duy.

Ngoài, nghĩa là trừ các căn như nhãn v.v..., vì ý giải tư duy sắc khác. Y theo sự thật, hai môn đầu quán chung trong, ngoài mà có kiêm chánh, chỉ vì muốn chỉ bày rõ môn giải thoát thứ hai vì đã lìa dục sắc, nên nêu riêng trong không có tướng sắc, vì giải thoát đầu tiên kia chưa

lìa sắc dục, trong ngoài đều có sắc, nên chỉ nói có sắc. Gọi là trong có sắc, về lý đâu có hại gì?

Trong không có tướng sắc, quán các sắc ngoài. Nghĩa là Tiểu thừa kia nói: “Trong đã dẹp bỏ tướng sắc. Chỉ quán cảnh ngoài, gọi là quán sắc ngoài.”

Hai môn giải thoát trên được nói là quán, vì trong các sắc đã được biến hóa tự tại, vì ý giải tư duy, chỉ bày rõ ràng tướng kia.

Giải thoát, nghĩa là khả năng giải thoát làm thay đổi các chướng ngại.

Theo luận Đối-pháp nói: “Trong, nghĩa là thân trong, đã dựa vào định Vô Sắc, dẹp bỏ kiến, nghĩa là tướng sắc, gọi là trong không có sắc”, không đồng với luận này.

Ở đây Luận sư Bị nói: “Khi chưa lìa dục, tự thấy, gọi là sắc trong; thấy phi tình khác, gọi là ngoài. Nhưng khi đã được lìa tham dục của cõi Dục rồi, ở trong định cõi Sắc đều quán về sắc của cõi Dục, cõi Sắc, cho nên, sắc tự, tha hợp gọi là sắc ngoài.”

Luận sư Thối nói: “Sắc dụ trên sắc của hai cõi chưa lìa, gọi là trong có sắc. Nếu đối với thân trong này, khi đã được lìa dục, tức nói là thân trong, gọi là sắc ngoài, vì không có sắc dục, không chỉ quán sắc ngoài thân, gọi là ngoài.”

Thân Tịnh giải thoát, tác chứng cụ túc trụ: Tịnh, nghĩa là lìa tám thức chướng trong tính lự thứ tư. Xả niệm viên mãn trong sạch, gọi là tịnh. Quán này quán chung cảnh tịnh, bất tịnh. Luận Hiển Dương chép: “Tịnh nghĩa là hoàn toàn ý giải tư duy sắc mẫu nhiệm tịnh.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Môn tùy chuyển lý, hoặc dựa vào quán tịnh, bất tịnh kia, vì đối đãi nhau, thể nhập vào nhau, nên về sau, trở thành một vị sắc tịnh là luận.”

Luận Đối-Pháp nói: “Sắc tịnh bất tịnh ở trong, xoay vần đối đãi nhau v.v...”

Giải thoát; là chủ thể giải thoát (năng giải thoát) tịnh, bất tịnh, biến hóa, sinh khởi phiền não chướng. Đây là công dụng gia hạnh khi biến hóa, gọi là phiền não chướng ngại tâm. Cho nên hai giải thoát trước tùy theo đối với chướng của một sự biến hóa. Trong đối tượng giải thoát tịnh, bất tịnh này đã có chướng rất tự tại của công dụng gia hạnh của biến hóa Thân, là thân ý, tác chứng, là do đối với trí đoạn, được tác chứng. Các căn được cảnh, chỉ có thân căn, hợp gần thân và chứng ý giải tư duy của hai môn giải thoát trước hãy còn xa, cho nên gọi là quán.

Môn giải thoát thứ ba này, trừ chướng trên hết, gọi là thân tác chứng.

Đối-Pháp nói: “Tám thứ này gọi là thánh trụ, vì là chỗ các thánh ở. Tuy nhiên các bậc thánh phần nhiều trụ ở thứ ba thứ tám, vì hai xứ này vượt hơn, nên đều ở một bên trong hai cõi.

Trong kinh Thế Tôn nói: “Thân tác chứng đối với cõi Sắc, Vô Sắc chướng đã dứt không còn thừa, chứng được “chuyển y” vượt hơn sáu cõi còn lại.

Cụ túc trụ, là căn bản viên mãn của tính lự thứ tư. Thứ tám cũng thế. Hữu đẳng viên mãn, tên khác có thể hiểu.

Nay, trong văn này chỉ giải thích tên chung bảy giải thoát ở trước, đối với đã giải thoát, sinh ra thắng giải nghĩa là bảy pháp sở quán phải lìa nhiễm phiền não chướng của địa kia, mới bắt đầu tu, được gọi là đã giải thoát.

Nay, quán cảnh kia được trừ chướng của định, khởi công đức thân thông mà sinh thắng giải, nên gọi là giải thoát.

Giải thoát thứ tám, trái bỏ tướng thọ. Nghĩa là trước kia, xa đạo Vô gián, dù đã diệt chướng của tướng, thọ, nay, mới được gọi là giải thoát. Lúc chính thức khởi giải thoát, chỉ tạm trái bỏ tướng, thọ, gọi là giải thoát chướng định, chẳng phải thế gian, nơi chốn mới giải thoát chướng định mà trước đó đã lìa.

Thứ hai trong phần nói về tướng, chỉ nói bảy giải thoát. Về sau đến môn Đăng chí, mới giải thích thứ tám.

Nói người sinh cõi Dục v.v... giải thích nghĩa có sắc. Ở đây nói người mới tu, chưa lìa nhiễm sắc. Nếu người đã lìa, người thấy tướng sắc an lập hiện tiền, gọi là hữu sắc.

Người kia trong đối tượng giải thoát như thế, đã được giải thoát, là giải thích về nghĩa giải thoát.

Sắc sở quán kia, vì đã được giải thoát trong giải thoát dục ở cõi Dục, tức đối với các sắc cõi Dục, do có tác ý tư duy v.v... tướng sáng suốt. Đây là nói về nghĩa quán, không đồng với khởi tướng bất tịnh của tông Tiểu thừa.

Nay, vì ở đây nói quán tướng sáng suốt, nên có hai nhân duyên, gọi là có sắc:

1. Vì sinh cõi Dục, được định cõi Sắc.
2. Vì đối với ánh sáng mà làm thắng giải.

“Các sắc cõi Dục bị chế ngự một ít sắc v.v... đối với các thắng xứ”. Đây là đáp sắc sở quán, tức cảnh thắng xứ, lý do thắng giải đầu

tiên do tướng mà quán.

“Hoặc tốt, hoặc xấu v.v...”. Đây là đáp về hành tướng.

Ba giải thoát trước, dẫn thẳng xứ; biến xứ. Thần thông của các thánh, bốn giải thoát sau, tùy thích ứng, có thể dẫn công đức vô tránh v.v..., nghĩa là người sinh cõi Dục, đã lìa dục cõi Sắc. Đây là giải thích nghĩa “trong không có tướng sắc”. Ở trước kia dựa vào định của Không xứ, vì đã lìa nhiễm cõi Sắc, nên định của cõi Vô Sắc không hiện ra. Đây là giải thích nghĩa quán các sắc ngoài. Vì Vô Sắc không thể quán các sắc, dựa vào định cõi Sắc, vì hiện quán các sắc ngoài, nên định Vô Sắc không hiện trước.

Trên nói chưa được định Vô Sắc, chưa lìa dục cõi Sắc, quán các sắc ngoài, gọi là giải thoát ban đầu.

Đã được định Vô Sắc; nghĩa lìa dục cõi Sắc, quán các sắc ngoài, gọi là giải thoát thứ hai: Đây là dựa vào nghiệp đầu tiên mà nói. Do đều giải thoát (câu giải thoát), nghĩa là vì nhất định được sơ giải thoát. Nếu trước không nhập định Vô Sắc, thì chưa dẹp bỏ kiến là tướng sắc, tạo ra tướng ánh sáng mà quán các sắc là sơ giải thoát. Nếu trước kia nhập định Vô Sắc, đã dẹp bỏ kiến là tướng sắc, tạo ra tướng ánh sáng mà quán các sắc là sơ giải thoát. Nếu trước kia nhập định Vô Sắc, đã dẹp bỏ kiến là tướng sắc, không tư duy tướng ánh sáng, chỉ quán tốt, xấu v.v... trong sắc ngoài là giải thoát thứ hai. Cho nên trong đây nói: “lại không tư duy tướng ánh sáng của đối tượng tướng kia, vì quán thành tựu dần, nên chỉ sinh thẳng giải đối với sắc ngoài.

Do “câu giải thoát” này, nghĩa là cũng thành mới giải thoát.

Đối-pháp giải thích sơ giải thoát: “Ở trong chưa kịp trừ kiến, là tướng sắc, tức sơ tập nghiệp, Nghĩa là hoặc hiện an lập kiến là tướng sắc, tức mãn nghiệp. “Câu giải thoát” v.v... đã khởi giải thoát. Ở thân trong kia, dù đã xa lìa dục, an lập tướng sắc mà thể hiện ở trước, vì quán sắc ngoài.”

Luận Đối-Pháp giải thích giải thoát thứ hai, rằng: Trong đã chế phục kiến là tướng sắc, là sơ nghiệp, nghĩa là hoặc hiện an lập kiến, là tướng Vô Sắc, là mãn nghiệp, “câu giải thoát”, là nghĩa đã khởi giải thoát, y như thuyết trước nói. Lại không tư duy tướng ánh sáng của tướng kia, chỉ tác thành thẳng giải đối với sắc ngoài, là giải thích về nghĩa quán.

Nếu đối với sắc này, đã được lìa dục, nói sắc kia là ngoài, thì chính sắc đã lìa nhiễm này, do ra khỏi nhiễm, nên gọi là ngoài. Quán tất cả các sắc này là cảnh, gọi là quán sắc ngoài, không chỉ quán trần

ngoài, gọi là quán sắc ngoài. Nếu y cứ theo Đối-pháp thì thân trong gọi là nội, trần ngoài gọi là ngoại. Quán trần là cảnh, gọi là quán sắc ngoài. Thuyết kia nói hai nghĩa nội ngoại, vừa đồng với tông Tiểu thừa. Vì dựa vào định Vô Sắc, lia nhiễm sắc trong, khác với tiểu thừa kia.

Hai giải thoát trên, theo Câu-xá nói: “Sơ Tĩnh lực, nhị tĩnh lực có thể diệt trừ nhiễm sắc tham trong sơ tĩnh lực cõi Dục. Quán Bất tịnh kia có thể tạo nên thuyết này.

Nay, tạo nên tướng ánh sáng v.v..., luận Hiển Dương quyển 20 chép: “Hai giải thoát này dứt trừ chướng của biến hóa, vì được tự tại đối với biến hóa, nên tu hai giải thoát. Vì biến hóa đã thông suốt quả hữu của bốn tĩnh lực, nên hai giải thoát đều dựa chung bốn tĩnh lực, đồng với luận Thành Thật: vẫn ở căn bản, chứ chẳng phải ở các địa cận phần. Tiểu thừa kia ưa hưởng đến tu, đều không có quả chung. Đây là chấp nhận Dự tu vì có quả chung, nên trong tịnh giải thoát đã được xả niệm viên mãn, thanh tịnh. Đây là giải thích nghĩa “Tịnh”. Lia lỗi trong một sát-na, gọi là “thanh” lia lỗi nối tiếp nhau, gọi là “Bạch”. Do tịnh giải thoát này mà được nương tựa, tu tập hạnh thánh thanh tịnh, viên mãn gọi là người tịnh giải thoát. Đây gọi là định thứ tư, đối với bốn màu như xanh v.v... hễ tùy quán một sắc tạo thành kiến giải thanh tịnh. Cũng có thể quán chung cả bốn sắc tạo nên kiến giải thanh tịnh như quán hoa, cây. Về sau, trong thắng xứ, mới quán riêng bốn sắc.

Trong đây nói vì được xả niệm thanh tịnh, nên dưới đây lại dùng ba nghĩa để giải thích về tên thanh tịnh này:

1. Nghĩa là vì đã vượt qua các khổ, vui, nên loạn động, yên tĩnh, sẽ mòn dần. Cho nên tịnh giải thoát chỉ ở căn bản thứ tư, chứ chẳng phải cận phần. Tịnh giải thoát này trong cũng không có sắc, mà quán sắc ngoài, vì trước đã nói, nên ở đây lược qua.

2. Kế là giải thoát của bốn Vô Sắc, đều đã lia dục của địa mình, dựa vào địa căn bản, quán lại cảnh của mình với tư duy thắng giải, sao cho chướng càng xa, dẫn sinh công đức thù thắng, gọi là giải thoát. Nhưng nay văn luận nói, hai giải thoát của không, thức được gọi là lia dục của mình, là vì ảnh lược trong thân Vô học mà nói. Theo thuyết trước, nên nói lia tự dục. Nếu dựa vào hữu học v.v... mà được, thì không cần phải lia nhiễm, nên ở đây không nói.

Lại, không Thức xứ nói là tư duy địa mình, do hai thứ đó gọi là tự địa.

Vô sở hữu xứ lấy thức không có làm tên cho tự địa, nên tư duy thắng giải ở thức xứ. Giải thoát Hữu Đảnh cũng thế.

Ba địa dưới gọi là tướng sinh xứ: Tư duy, thắng giải cùng khắp xứ này, chỉ ở căn bản, chẳng phải ở địa cận phần.

Trên, đã dựa vào hai môn luận để phân biệt.

3, Nêu ra thể tánh, quyển bảy mươi ba chép: “Thế gian, xuất thế gian trong năm pháp, thì chánh trí là tự tánh. Hữu lậu, thuộc về chánh trí thế gian trong phân biệt. Vô lậu tức trí vô phân biệt, thuộc trí hậu đắc, chỉ lấy tuệ làm tánh “duyên” sắc, phi sắc và cảnh chân như, là các chương của định, dẫn sinh thắng đức, các trí khác chẳng thể được.

Nếu tương ứng với thể, thì bảy giải thoát đầu là tánh của bốn uẩn, tánh của năm uẩn quyển thuộc; hai mươi hai pháp định Diệt tận của giải thoát thứ tám, vì trước kia đã hun đúc hạt giống của tâm nhằm chán làm tự thể.

4. Các duyên cảnh: Nghĩa là hai giải thoát đầu lấy tướng hiển sắc và tướng chân như làm cảnh sở duyên. Giải thoát thứ ba lấy tướng nhiếp thọ và tướng chân như làm cảnh sở duyên.

Tướng nhiếp thọ. Nghĩa là với sắc tịnh, bất tịnh bên trong lẫn lượt đối đãi nhau, lẫn lượt hội nhập nhau, lẫn lượt là một vị. Như Đối-Pháp nói: “Bốn giải thoát kế, mỗi giải thoát đều lấy tự tướng và chân như làm cảnh. Bốn giải thoát kế chỉ Vô Sắc làm cảnh, vì dứt chương này, khởi quán hạnh này. Giải thoát thứ tám không có đối tượng duyên.

5. Phàm, thánh được phân biệt Có nghĩa nói: “Bảy giải thoát đầu thì phàm thánh đều được, giải thoát thứ tám chỉ có bậc thánh được, vì chỉ có vô lậu. Quyển bảy mươi ba chép: “Phàm phu, bậc thánh đồng được ba giải thoát đầu, nhưng có sai khác. Thông của hai đạo nội, ngoại được không có sai khác, trừ chương biến hóa vì được tự tại. Nhưng Du-Già quyển thứ mười lăm cho rằng: “Ba giải thoát đầu vì được tự tại đối với tất cả sắc, nên có thể dẫn phát thân thông các bậc thánh, không chung với tất cả phàm phu”.

Luận đó tự nói là việc của Bất hoàn A-la-hán làm, không nói phàm phu không thực hiện ba giải thoát đầu.

Bốn giải thoát kế: Luận Đối pháp nói: “Sở đắc của đệ tử bậc thánh, nếu được đắc ý, nghĩa là đệ tử bậc thánh, thì phàm phu cũng được”.

Có nghĩa: “Chỉ ba thông trước, nội đạo, ngoại đạo, phàm, thánh đều được. Luận chỉ nói phàm phu được. Năm thông sau, chỉ bậc thánh được. Luận nói đệ tử bậc thánh không nói phàm phu.

6/ Sự sai khác của việc lìa chương. Luận Hiển Dương quyển hai mươi chép: “Đối trừ sáu chương:

1/ Chương biến hóa. Đối tượng trừ của hai giải thoát đầu, chủ thể biến, chủ thể hóa, do quán ánh sáng, mâu nhiệm đặc biệt, vô ngại và được ít nhiều v.v..., vì được tự tại.

2/ Chương tột độ hiện pháp lạc trụ.

3/ Đối tượng dứt trừ. Luận Đối-Pháp chép: “Chương chủ thể đoạn sắc tịnh, bất tịnh, biến hóa, và phiền não ở trong đây sinh khởi chương, tức công-dung-gia-hạnh đối với sắc tịnh, biến hóa, với sắc bất tịnh, thì biến hóa mâu thuẫn nhau.

Thể tức tánh vô ký cứng, nhám gọi là phiền não. Ba chương qua, lại, đối tượng dứt trừ của giải thoát thứ tư. Do các sắc là không, chẳng có chương ngại, là phương tiện đã nhập Địa căn bản của bốn định cõi Sắc, qua, lại tự tại.

4/ Chương công đức thù thắng của dẫn vô tránh v.v... do đối tượng trừ của thức, một thể của các công đức vượt hơn kia chính là Thức. Đây là phương tiện khởi tinh lực thứ tư, phát các công đức.

5/ Chương các lậu và hữu. Lậu, nghĩa là “hữu” phiền não, nói là Hữu-Đảnh. Phiền não này tức hai pháp “hoặc”, “khổ”, được dứt trừ do giải thoát thứ bảy, thứ sáu. Giải thoát thứ sáu chính là chủ thể dứt trừ. Giải thoát thứ bảy dứt trừ chúng, khiến cho lìa hẳn.

6/ Chương sáu vắng lặng, tối cực trụ, vì Diệt định, vắng lặng, trụ rất vượt hơn là đối tượng dứt trừ của giải thoát thứ tám.

Quyển mười lăm chép: “Năm giải thoát sau, chỉ nói chủ thể dẫn tướng, thọ, diệt, Đẳng chí. Nghĩa là dựa vào địa vị thành tựu viên mãn, cũng không trái nhau.

7/ Dựa vào thân khởi: Thân ba cõi khởi năm giải thoát sau, vì cho rằng cõi Vô Sắc khởi diệt định.

Ba giải thoát đầu, nghĩa “hiểu” chỉ khởi ở cõi Dục, vì sức giáo. Luận quyển này nói: “Do hai nhân duyên gọi là hữu sắc, nghĩa là vì sinh cõi Dục”.

Nghĩa “Hữu” không đúng, vì khởi ở cả hai cõi. Đầu tiên tu giải thoát, Biến Xứ là quả, tất nhiên ở cõi Dục, như đạo lý ở trước. Về sau, khi được thành mãn, Biến Xứ là nhân, giải thoát là quả, đâu ngại gì cõi Sắc cũng được khởi sau? Há sinh cõi Sắc, không được gọi là “hữu sắc” mà chẳng tu chung ư?

8/ Hai được: Nghĩa là trong thân Phật và Độc-giác vì đều là lìa dục đắc, nên ở trong thân đều là gia hạnh đắc, vì phải lìa nhiễm của Địa đó, rồi về sau, mới tu đắc.

Chín “hữu” vô lậu. Ở thân Phật đều vô lậu; Thứ tám trong thân

khác chỉ có vô lậu, bầy còn lại có cả Hữu lậu, Vô lậu. Thông, là vì lấy hai trí thế gian, xuất thế gian làm thế. Thứ mười lăm ở dưới lại nói rộng.

Kế là tám Thắng xứ, dùng ba môn để nói:

1/ Giải thích danh: Trước, nêu sau, giải thích.

a/ Trong có tướng sắc, quán sắc ngoài ít, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc kém, hoặc hơn. Đối với các sắc kia, biết vượt hơn, thấy vượt hơn hoặc tưởng như thật.

b/ Trong có tướng sắc, quán sắc ngoài nhiều.

c/ Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài ít.

d/ Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài nhiều. Ba thứ sau này hoặc tốt, hoặc xấu v.v..., đều nói như thuyết đầu.

Bốn Thắng xứ sau đều trong không có tướng sắc, nhưng quán sát sắc ngoài, bốn thứ xanh, vàng, đỏ, trắng có khác nhau.

Trong đây nói, trong có tướng sắc, trong không có tướng sắc v.v... như đã nói trong giải thoát.

Hữu sắc trong giải thoát ở trước không nói là “nội”. Nay, nói “nội”, ở trước giả thiết rằng, dù ở thân trong thấy có tướng sắc, là vì tất cả nhiễm sắc đều chưa lìa, chỉ nói có sắc mà không nói “nội”, tức lấy tất cả sắc này để làm cảnh giới. Vì khởi tướng ánh sáng, chưa xuất ly nhiễm sắc, nên gọi là quán các sắc. Hoặc quán các sắc trong ngoài, không thể gọi là quán sắc ngoài.

Nay, Thắng Xứ này chỉ quán chẳng phải sắc căn, không quán sắc căn. Vì trong có sắc căn, nên gọi là trong có sắc, khác với thuyết trước nói.

2/ Nêu ra thế: -Đối pháp, Hiền-Dương đều nói rằng: “Hai Thắng Xứ đầu, là do giải thoát đầu tiên phát ra; hai Thắng Xứ kế là do giải thoát thứ hai phát ra; bốn Thắng Xứ sau, là do giải thoát thứ ba phát ra.

Hai tướng tịnh và bất tịnh đầu trong tịnh giải thoát, xoay vần đối đãi nhau, xoay vần hội nhập nhau.

Sự lần lượt như thế, tổng hợp tất cả sắc làm thành một vị. Vì tướng thanh tịnh được giải thích là xoay vần một vị.

Bốn Thắng Xứ sau, là do giải thoát thứ ba phát ra. Tám thế này chính là ba giải thoát trước.”

Hỏi: “Nếu vậy, thì ba giải thoát trước có gì khác với tám Thắng Xứ?”

Luận Câu-xá chép: “Trước, tu giải thoát chỉ có thể trái bỏ, sau, tu Thắng-Xứ, có công năng chế ngự sở duyên. Tùy đối tượng lạc mà quán,

hoặc tu không khởi.

Nay giải thích: “Trước là tu ba giải thoát trước, dứt trừ hai thứ chướng. Do đây, có thể sinh ra sự nhận biết vượt hơn, thấy vượt hơn, gọi là Thắng-Xứ.

Tu thành mãn. Nghĩa là do tám Thắng-Xứ được khuất phục vượt hơn đối tượng duyên, khiến cho ba giải thoát đều được thanh tịnh, đây là sự sai khác của giải thoát Thắng-Xứ”.

Hỏi: Vì sao giải thoát biến xứ có cả quán phi sắc? Trong tám thắng xứ chỉ có quán các sắc?

Đáp: “Lìa chướng, quán khắp sắc, phi sắc v.v... Lúc chế phục cảnh vượt hơn, tướng sắc khó chiết phục vượt hơn, vì tốt, xấu khó khuất phục hơn. Khuất phục vượt hơn sắc rồi, vì đối với Vô Sắc cũng được tự tại, nên từ khó chế ngự vượt hơn, chỉ lập Thắng-Xứ sắc.

3/ Dựa vào cảnh phân biệt. Bốn Thắng-Xứ sau, chỉ “duyên” Hiển sắc của sắc, vì hình sắc kia không có tự thể, vì thuộc về Hiển sắc. Giả hiển không có tự thể, chỉ vì bốn thật, nên chỉ quán bốn.

Bốn đối tượng duyên trước: Tinh, hương, vị, xúc đã được dựa vào nhóm sắc. Dùng hai giải pháp đầu để “duyên” tướng ánh sáng và vì kém, hơn, tức bốn Thắng-Xứ đầu, quán ánh sáng của sắc giả, chính là Hiển sắc giả.

Do thể thanh tịnh vì thuận với biến hóa, nên quán riêng, sắc, vì giải thoát thứ hai “duyên” tất cả Xứ sắc, nên Thắng-Xứ thứ ba, thứ tư cũng quán Xứ sắc kia hoặc ít, nhiều... Nhưng vì hình lượng của hữu tình, phi tình có nhỏ, lớn, trong, ngoài, khác nhau, nên chia thành ít, nhiều.

Dựa vào Hữu sắc và Vô Sắc đều, “duyên” hai cảnh, được chia thành bốn thứ. Vì các Thắng-Xứ không bớt, không thêm, nên luận Đối Pháp chép: “Sắc ít nghĩa là sắc của số hữu tình, vì lượng của chúng nhỏ.

Sắc nhiều, nghĩa là sắc của số phi tình, vì lượng của chúng lớn”.

Trong luận Hiển Dương, chỉ dựa vào dụng cụ tiền của, chẳng phải dụng cụ tiền của để chia thành nhiều ít”.

Nay, ở đây, lấy hữu tình và dụng cụ tiền của hợp gọi là ít; cung điện v.v... gọi là nhiều, vì số lượng riêng, nên mỗi số lượng đều y cứ vào một nghĩa cũng không trái nhau. Tốt xấu, hơn kém v.v... đều dựa vào sự khác nhau của sắc ít, nhiều, cho nên, không lập riêng. Tuy nhiên bốn Thắng-Xứ đầu ở cõi Dục quán đủ bốn trần đồng với nhóm sắc xứ. Trong cõi Sắc, chỉ quán tinh, xúc, đồng với nhóm sắc xứ. Theo hai giải thoát đầu vì quán trần sắc, nên trong bốn Thắng-Xứ đầu, quán đủ cảnh

sắc.

Luận nói sắc kém. Nghĩa là thanh, hương, vị, xúc.

Sắc không vừa ý. Ở đây nói cõi Dục có sở y (đối tượng nương tựa) của thanh v.v... đồng với nhóm sắc xứ, gọi là sắc kém v.v..., là bốn sở quán (đối tượng quán) đầu; vì bốn thứ như thanh v.v... là cảnh của Thắng-Xứ. Luận này nói: “Bốn hiển sắc này bao gồm: Tiền của, dụng cụ, cung điện v.v... của hữu tình, nghĩa là bốn sắc tốt, xấu, kém, hơn, gọi là Hiển sắc, tức số lượng ít, nhiều ở trước là sắc của tình v.v..., nên chẳng phải thanh v.v.... Do đối với Sắc Xứ dẹp bỏ tự tại, đối với bốn trần khác, cũng không biến hóa. Hoặc hai giải thoát đầu, dù chỉ mới quán sắc dẫn sinh bốn Thắng-Xứ, nhưng Thắng-Xứ khởi về sau, quán bốn trần, dẹp bỏ tự tại, dẫn sinh giải thoát. Giai vị thành mãn sau, lại chỉ quán cảnh ánh sáng v.v... của sắc, có thể làm biến hóa. Cho nên, luận Hiển Dương chép: “Vì do ba giải thoát, nên được định vượt hơn tự tại. Do được định đó rồi, mới nói sắc vượt hơn tự tại, thành tự. Đây là lấy Thắng-Xứ làm nhân, giải thoát làm quả, vì đầu tiên tu, về sau mới mãn, có khác nhau, nên luận chỉ nói bốn Hiển. Sắc này chứ chẳng phải sắc xứ hiển. Nghĩa là sắc kém hơn chứ thanh, hương, vị, xúc.

Sở quán (đối tượng quán) sáng suốt, rõ ràng, gọi là Hiển sắc. Chẳng những lấy sắc mà cũng lấy chân như làm sở duyên. Quyển bảy mươi hai chép: “Vì tư duy về tướng của sắc, chân như, nên được sự thấy biết, vượt hơn. Phàm phu thì không như thế.

Nói lược về nghĩa xong, văn chia làm hai:

1/ Giải thích danh từ Thắng-Xứ.

2/ Giải thích riêng về nghĩa ít, nhiều v.v.... Xứ, là sở duyên (đối tượng duyên). Thắng, là “năm duyên” (chủ thể duyên).

Văn đầu tiên có ba:

1/ Nêu.

2/ Phân biệt.

3/ Chỉ rõ sự sai khác.

Biến Xứ thứ ba, dùng bốn môn để nói:

1/ Giải thích tên. Trước, là giải thích tên chung, sau là tên riêng.

Về sự của thắng giải. Nghĩa là giải thích về nghĩa “Xứ”. Vì tùy đối tượng thích ứng, tức cảnh giải thoát ở trước.

Sinh thắng giải khắp. Nghĩa là giải thích nghĩa “Biến”, đây là thắng giải giả tác động tướng khắp, đây là giải thích tên chung.

Nêu danh. Nghĩa là đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, khúc xứ. Như kinh nói: “Nghĩa là Biến xứ đất. 1/ có thể giải

thích rõ trên, dưới và bên cạnh không có hai vô lượng. Như thế, cho đến Thức biến trên, dưới và bên cạnh không có hai vô lượng v.v....

Trong đây chỉ giải thích không có hai vô lượng. Ngoài ra, như luận Hiển Dương quyển tư nói:

2/ Nếu thể tánh: Câu-xá nói: “Tám Biến-Xứ đầu chỉ được phát ra từ giải thoát thứ ba. Hai Biến-Xứ sau, tức hai giải thoát của Không, Thức kia.

Nay, tám Thắng-Xứ ban đầu lấy Tuệ, hai Thắng-Xứ sau, bốn uẩn làm tự tánh. Tám Biến-Xứ đầu vì thiện, thanh tịnh, nên năng dẫn thần thông, Thắng giải của Hiền, Thánh và chuyển biến thần thông. Dù hai thông dựa vào bốn địa mà có, nhưng không thể tùy theo sự thích ứng.

Từ hai giải thoát ban đầu mãn, vì chỉ có thứ ba. Luận này nói: “Các Biến-Xứ hữu sắc như thế, vì nhất định biên sau của cõi Sắc, nên được phát ra từ giải thoát thứ ba. Về mặt lý, thì đồng với trường hợp chung mà Câu-xá đã nói.

3/ Phế lập: Luận tự giải thích. Du-già lại nói: “Nhưng do chân như “sở y” (đối tượng nương tựa) đầy khắp, “năng y” (chủ thể nương tựa) sắc, phi sắc, cũng lại đầy khắp trong chủ thể nương tựa. Vì tạo sắc “sở y” đầy khắp, nên tạo sắc “năng y” cũng đầy khắp. Chỉ nói Hiển sắc thật trong chủ thể nương tựa đầy khắp, không nói xúc giả “năng y” cũng đầy khắp.

Đã nói sắc cảnh “sở quán” (đối tượng quán), đầy khắp hư không, cũng nói cảnh thức “năng quán” (chủ thể quán) đầy khắp. Đối tượng khác thì chẳng phải đầy khắp, nên chẳng phải Biến-Xứ. Nhưng quyển kinh Niết-bàn ba mươi một nói: “Trừ Vô sở Hữu Xứ chấp lửa. Ngoại đạo thờ lửa, cho lửa là trời, họ nói thể của lửa tăng khắp”.

Vì lối chấp đó của họ, nên đối với cơ nghi của họ, dứt trừ Biến-Xứ lửa. Lúc vô sở Hữu Xứ có quán sát, quán thức khắp, không có chút sở hữu, đã không có cảnh khắp, cũng gọi là Biến-Xứ.

Nay, trong các luận đều dựa vào tự tại cùng cực, mới tu Biến-Xứ, quán không có chút cảnh sở hữu, vì chẳng phải nhất định quán đối tượng không có thức khắp tất cả, nên không lập Biến-Xứ. Phật vì đối với tên giả kia để nói lên cái thật này”.

Hỏi: “Thắng-Xứ dẫn sinh, Biến-Xứ mới khởi. Vì sao Thắng-Xứ không có hai nhân sau, bốn nhân đầu?”

Đáp: “Vì chế phục vượt hơn “sở-duyên”, mới sinh quả khắp; vì pháp quả vượt hơn, nên thêm sáu thứ nhân, Thắng-Xứ chỉ dựa vào sự chế phục cảnh thù-thắng, không nói cảnh khác.

Dụng của Biến-Xứ vượt hơn. Văn dưới đây nói về dẫn sinh thần thông v.v....

Thắng-Xứ kém. Nghĩa là chỉ chiết phục vượt hơn đối tượng duyên, không có công năng dẫn sinh công đức rộng. Quyển sáu mươi hai chép: “Tu mười Biến-Xứ, có thể vì năm việc nói rộng như kia.

4/ Cảnh sở duyên: Quyển bảy mươi hai nói: “Lại, mười Biến-Xứ do sức “sở duyên” vượt hơn, nên biết.

Sự khác nhau của tướng Biến-Xứ. Dụng đại chủng này và tướng chân như là đối tượng duyên. Nếu không như thế, thì “sở duyên” sẽ không khắp, “năng y” lẽ ra cũng không thành đầy khắp. Vì cảnh chân như đầy khắp, nên chủ thể nương tựa cũng được thành tên Biến-mãn.

Lại, tướng của Không, Thức và Chân-Như là đối tượng duyên, không những chỉ lấy hữu vi làm cảnh, mà nay lại còn lấy Sắc Xứ, Xúc Xứ bốn uẩn và Chân Như làm đối tượng duyên!

Trong phân biệt chung thứ tư có ba:

1/ Giải thích thứ lớp giải thoát, Thắng-Xứ, Biến-Xứ.

2/ Giải thích tác dụng của Biến-Xứ.

3/ Dùng ví dụ để làm rõ thứ lớp của Ba pháp. Về thứ lớp của pháp này đại khái có ba nghĩa:

1/ a/ Một môn tùy chuyển lý, tức môn này.

b/ Môn dựa vào lý chân thật.

Quyển sáu mươi ba chép: “Thắng-Xứ, Biến-Xứ là đạo năng thanh tịnh của các giải thoát”.

Luận Hiển Dương Quyển tư chép: vì “sở duyên” vượt hơn các Thắng-Xứ; vì đối tượng duyên khắp của các Biến-Xứ, nên có khả năng làm cho giải thoát được thanh tịnh, nên biết.

2/ Trong lý chân-thật, a/ Môn mới tu hành tức văn này. b/ Môn sau thành mãn, tức văn khác.

3/ a/ Môn Như-lượng trí tu, tức văn này.

b/ Môn y như lý trí tu, tức văn khác.

Trước, dựa vào trí thế tục khởi tri, kiến vượt hơn rồi, kế là dựa vào trí như lý nhập Biến-Xứ giải thoát.

Thắng giải thần thông. Nghĩa là tùy theo ý giải, đều có khả năng thích hợp. Tác động xa, hiểu gần, thế gian khoảng cánh tay co duỗi là đến Sắc rốt ráo v.v....

Chuyển biến thần thông: Đổi thay thân hình cũ, rồi tạo ra tướng khác lạ.

Lại, Thắng giải thần thông, ý giải tư duy, chuyển biến thần thông,

có thể trở thành sự thật.

Trong phần giải thích riêng về tông yếu của kinh, phần giải thích riêng ở trước có mười một; dưới đây, giải thích về mười môn, thiếu môn thứ mười một, như trước đã giải thích.

Vấn trong ba Tam-ma địa được chia ra làm ba:

1/ Thuyết-minh riêng về tướng riêng của Hạnh, Cảnh Tam-ma địa.

2/ Thuyết-minh về tướng hạnh riêng, cảnh đồng của Tam-ma địa.

3/ Giải thích thứ lớp trước, sau, vấn nạn trở ngại.

Môn thứ nhất, an lập Đế-hạnh. Môn thứ hai, phi an Lập-hạnh. Một môn đầu, Hành của tướng riêng lẻ. Một môn kế, hành của tướng chung, đây là sự khác nhau.

Y theo văn đầu, trước là nêu hành tướng của Không tam-ma-địa, nên biết.

Tánh “Không”, đại khái có bốn thứ trở xuống, là giải thích chung về sự sai khác của tánh “Không”.

Luận Hiển Dương Quyển hai nói: “Không” có hai thứ:

1/ Hai trí của sở tri. Sở-tri, nghĩa là chúng sinh và pháp. Hai thứ này không có tánh trong tánh Biến Kế Sở chấp. Và cái Vô Ngã khác kia có tánh. Tánh chấp trong các pháp “không”, chính là tánh Vô Ngã “có”. Tánh Vô Ngã “có”, tức là tánh sở chấp (đối tượng chấp của tánh) “không”. Tức lấy tánh “có” trong Vô Ngã này và chẳng phải có không có hai, gọi là “Sở Tri Không”.

Trí không. Nghĩa là “duyên” cảnh sở tri kia nhận biết một cách rõ ràng như thật.

Y của luận Hiển Dương kia nói: “Pháp bị chấp, Hữu tình “không” và chân như tánh “không”, đều gọi là “Sở tri không” vì khi quán kia không thì ở đây có, nên lúc chứng ở đây có, sẽ thấy kia là không. “Hữu”, “không” chẳng phải hai, đều gọi là “cảnh không”. Đây là nói Hạnh không, đối tượng chứng (sở chứng) đối tượng không (sở không).

Chủ thể quán (năng quán) tâm kia, tức là Trí-không, trong đây nói về sự xa lìa mạng hữu-tình v.v... tức cảnh “không” của đối tượng “không” trong đối tượng quán (sở quán). Tâm dừng ở một “duyên”, tức trí “không” kia. Đây là dựa vào đối tượng quán “không” (sở quán không) chung của ba thừa. Chỉ nói xa lìa mạng hữu tình, là đồng chỉ nói “Nhân không”, chẳng nói pháp; chỉ nói “sở không”, không nói sở chứng không (đối tượng chứng không).

Luận kia nói không hai, hữu vô đều hiển bày. Ở đây nói đối tượng đều biện biệt, vì chân có, nên không trái nhau.

Trong giải thích chung về không sai khác, có hai lượt giải thích:

Pháp Sư Khuy Cơ nêu rõ: “Đầu tiên, dựa vào bốn thứ tánh “không” của bậc Vô học, sau, bày tỏ sự sai khác của bốn không của người Hữu học”.

Luận sư Cảnh giải thích: “Lượt đầu tiên, quán sát “không”: Tức là người học quán chung đối với các pháp, chấp ngang trái về khổ, lạc, tịnh, ngã và ngã sở v.v.... Lượt sau, quán không có bậc vô học. Quán ở thân mình và năm trần bên ngoài đều là không, không có phiền não. Trong đó, trước tiên, quả kia là không, không có người Học, tức quán chung tự thân trong và năm dục bên ngoài trống không, không có phiền não. Quán này do quán sát trống không, được gọi là quả kia là “Không”.

Thứ ba, là nội không, thứ tư là ngoại không, tức quán riêng tự thân và năm dục bên ngoài là không, không có phiền não. Và, dẫn kinh chứng minh, như văn, rất dễ hiểu.

Lại, “người tu hành ...” trở xuống, là lượt thứ hai, giải thích; tức là người mới tu hành, học thực hành pháp quán này.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa là các phàm, thánh Hữu học, nói là do quả kia là không, cho đến tư duy bên trong là không. Đây là người mới thực hành. Bậc Vô học quán riêng về năm dục ngoài là không, không có phiền não.

Nói do quán sát là không, đôi lúc tư duy về tánh không trong, ngoài, nghĩa là nói về người mới thực hành, đem nghĩa “không” trong, ngoài của bậc Vô học kia, so sánh quán tánh không trong, ngoài của tự thân, để quán sát chung. Do năng lực quán này, với tâm đều chứng hội tánh “không” trong, ngoài.

Giả sử nói còn những người không thể chứng hội về tánh “không” trong, ngoài này, là nói về người mới học đối với “không” trong, ngoài, không thể chứng hội, thì phải tư duy về vô thường, khổ, chẳng bị nghiêng động do “ngã” và mạn, tức là đối với hai “không” trong, ngoài đều chứng.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Đây tức là chỉ bày về Hạnh không vô ngã gọi là “không hạnh”, vì “không” chẳng có hữu tình và pháp ngã.

Trong Vô Nguyện, cho rằng đối với năm thủ uẩn, tư duy vô thường, hoặc tư duy về khổ.

Pháp Sư Khuy Cơ chép: “Đây là pháp năm thủ uẩn của ba cõi, gọi

là cảnh Vô nguyện. Tâm bám trụ “duyên”, gọi là Tam-ma-địa.

Luận Hiển Dương lại nói: “Vô nguyện có hai:

1/ Sở-tri, 2/ Trí, chính là đồng với luận này, tức lấy Vô thường và khổ, góp với bốn hạnh, gọi là Vô nguyện hạnh. Ở đây, lấy vô thường, khổ, quả, hạnh, gồm thấu nhân hạnh v.v....

Trong Vô tướng Tam-ma-địa, trước là giải thích về hành tướng, sau giải thích về kinh kia, nghĩa là đối với các thủ uẩn kia diệt, tư duy vắng lặng, là cảnh Vô tướng. Tâm trụ một “duyên” là Tam-ma-địa.

Luận Hiển Dương chép: “Vô tướng có hai thứ: 1/ Sở tri. 2/ Trí

Sở tri tức cảnh sở tri là “không”. Do tướng cảnh này nên tất cả các tướng không hiện hành. Trí, như trước đã nói: Đây là các tướng của tướng chân-như không trong cảnh “không” ở trước, không hiện hành, gọi là cảnh Vô tướng, tức là các thủ uẩn diệt trong đây. Chẳng nói: “không” sở chấp gọi là cảnh vô tướng. Ở trước nói nhân chứng nên “sở không” (đối tượng không), “sở chứng không” (đối tượng chứng không), cả hai đều cùng gọi là “không”.

Nay, chỉ nói “sở chứng không”, gọi là cảnh Vô tướng, nên khác với thuyết trước, tức diệt bốn hành, gọi là hạnh Vô tướng. Bốn hạnh của Đạo để chẳng phải ba Đẳng-trì, vì sao Vô nguyện, Vô tướng nói là tâm, còn Tam-ma-địa “không” lại chẳng nói?”

Đáp: “Vì quán này có, nên gọi là tâm của Vô nguyện, Vô tướng kia. Vì quán kia trống không, nên tất cả đều dứt bỏ. “không” chẳng nói tâm, hai thứ còn lại nói có”.

Sau, giải thích trong kinh, văn chia ra làm ba:

1/ Giải thích: không cú, không ngược.

2/ Giải thích về phương tiện, quả phương tiện.

3/ Giải thích về hiểu rõ, công đức, được lãnh hội rõ.

Hai tướng trái thuận vì không tương ưng. Nghĩa là “duyên” cảnh trái thì tâm cú; “duyên” cảnh thuận, thì tâm ngược. Nay, không có hai tướng nên gọi là tâm không cú, ngược.

Lại, hoại Thế-đế, trái với cảnh tục, gọi là cú. Chấp tâm còn lập, thuận với cảnh chân, gọi là ngược. Hạnh Vô tướng lia cả hai, gọi là không cú, ngược. Đây là không làm hư hoại Thế-đế, tức không tư duy, tất cả tướng, không nhằm chán, không làm hư hoại v.v... gọi là không cú. Đây là vì chánh tư duy đối với cõi Vô tướng, nên không thuận với chấp chặt, nên không ngược.

Phương tiện, trong quả phương tiện. Trước, giải thích về phương tiện. Sau, phương tiện kia lại thường tự khích lệ, tự cố gắng.

Tướng. Nghĩa là cảnh tướng, tướng này có hai lớp:

1/ Hữu lậu, gọi là tướng; Vô lậu, gọi là Vô tướng.

2/ Hữu vi, gọi là tướng; Vô vi, gọi là Vô tướng.

Nếu dựa vào nghĩa trước, thì các trí Hậu đắc lấy nghĩa sau, hoặc theo nghĩa đầu là hạnh bản chất, gọi là hạnh Vô tướng, tức bốn hạnh Diệt, hoặc bốn hạnh Đạo. Nếu dựa vào bốn nghĩa sau, trí Vô phân biệt gọi là hạnh Vô tướng, trái với hai tướng này gọi là hạnh Hữu tướng.

Trong phương tiện này, đối với các tướng kia, người chưa thể giải thoát vì ở giai đoạn hữu lậu, chưa giải thoát tướng hữu lậu nên tùy thuộc vào tướng, trong bất cứ lúc nào, Thức cũng luôn khuấy động tâm họ. Người này thường tư duy, lựa chọn, mới có thể nhận lấy được quả trí Vô phân biệt. Giải thoát tất cả tùy tướng hữu lậu, gọi là quả phương tiện.

Đối với giải thoát này, lại vì khéo giải thoát, nên tự tại mà trụ, gọi là cùng cực giải thoát, tức đi suốt qua hai vị, trí căn bản, Hậu đắc.

Trong hiểu rõ quả, hiểu rõ công đức, phiền não đoạn và Diệt-đế, gọi là quả hiểu rõ. Hiện pháp lạc trụ và Đạo-đế, gọi là hiểu rõ công đức. Nghĩa là đã hiểu rõ hạnh Vô tướng, tức bốn hạnh của Đạo-đế cũng là hạnh Vô tướng, hai văn trước, sau, rộng, hẹp có khác.

Luận sư Cảnh nói: “Đoạn và trụ rất ráo: Đây là nói theo thể của hai Đế, đều gọi là quả và gọi là công đức.

“Lại nữa, Diệt, Đoạn...” trở xuống, là y cứ ở Dụng, để giải thích văn kinh.

Lại, Đế hiện quán là tên của Kiến-đạo. Quả hiểu rõ, nghĩa là vì đáp lại phương tiện trước. Đức của A-la-hán viên mãn, gọi là công đức. Nếu ở chỗ này không có vật kia v.v... Đây là đoạn hai, tướng đồng, cảnh riêng của hạnh Tam-ma-địa, dựa vào một Chân-như quán đủ cả ba nghĩa, vì sao trong đây, trước nói về tánh không, v.v...

Đoạn thứ ba, giải thích ba thứ lớp. Ở đây, ý hỏi rằng: “Trong bốn hành khổ, trước nói về khổ vô thường. Sau, nói về “không” vô ngã”.

Nay, trong đây, trước nói về hạnh “không”, sau, là hạnh Vô nguyện, rồi mới nói về Vô thường v.v... ý đáp ở đây nói rằng: “không trái nhau”.

Trong mười sáu hạnh, trước là Vô thường: Tức là y cứ Kiến đạo, về trước, người mới tu gia hạnh, trước là quán Vô thường: Vì Vô thường nên khổ; vì khổ, nên Vô ngã; vì Vô ngã nên là không. Từ dễ, đến khó, quán theo thứ lớp này.

Trong đây là y cứ đầu nhập Kiến đạo, lúc quán Chân-như “không”, vì không có người, pháp, nên trước nói “không”. Từ Chân Kiến đạo,

nhập tướng Kiến đạo, kể là khởi quán Vô nguyện, Vô thường, Khổ, mới được thanh tịnh. Nói nếu không có quán vô ngã, vô thường, khổ thì cuối cùng không thanh tịnh, đây là giải thích ngược lại, trong chân kiến đạo, khổ, vô ngã không nhất định, trong tướng kiến đạo quán vô thường, khổ, cuối cùng không thanh tịnh.

Nói: “Trước phải an lập tướng Vô ngã. Từ Vô gián này mới được Vô nguyện”, đây là giải thích thuận.

Trước phải an trụ Vô ngã trong Chân Kiến đạo, từ đây vô gián nhập tướng kiến đạo mới được Vô nguyện, dưới đây là dẫn kinh chứng minh:

Cho nên, kinh nói: “Các tướng Vô thường dựa vào tướng Vô ngã mà được an trụ.” Nghĩa là các tướng vô thường trong tướng Kiến đạo dựa vào tướng “Vô ngã” của Chân Kiến đạo mà được an trụ.”

Nói: “Người kia quán Vô thường, Vô ngã xong, không sinh hy vọng mong cầu.” Nghĩa là Tướng Kiến đạo, Vô thường hành đạo, trước kia đã Vô ngã xong, đối với hữu vi, hữu lậu, vì không sinh hy vọng, mong cầu, cho nên “không”. Theo thứ lớp sinh Vô nguyện, không mong cầu hữu vi, chỉ nguyện Vô tướng, chuyên cầu xuất ly. Cho nên, Vô gián này nói lên Vô tướng, có nghĩa là từ sau Vô nguyện, mới khởi Vô tướng.”

Hỏi: “Lại vì sao trong đây, trước bày tỏ Vô nguyện, kể là nói Vô tướng?”

Luận Hiển Dương quyển hai: “Trước nói Vô tướng, sau nói Vô nguyện?”

Đáp: “Vì ở đây nói trước hết, không nguyện cầu ở ba cõi, mới trọn vẹn chứng thanh tịnh ở Vô tướng. Cho nên, trước, Vô nguyện, sau nói Vô tướng. Đầu tiên, chứng “Hai không” là không, tức thấu rõ cái “có” của “vô ngã”. Vì thế, nên sau “không”, tức là nói Vô tướng, mới giúp cho Vô nguyện chứng trọn vẹn thanh tịnh.

Ở đây, dựa vào thời gian sau, Vô tướng viên mãn. Luận Hiển Dương kia thì nương vào thời gian đầu, Vô nguyện viên mãn, cho nên không trái nhau.

Các môn phân biệt của ba Tam-ma-địa này. Là tám môn phân biệt:

1/ Danh sai khác. Quyển bảy mươi hai và luận Hiển Dương quyển hai chép: “Nếu không có sai khác thì đều là “không”; “Vô nguyện”; “Vô tướng” chung cả Văn, Tư, Tu mà trở thành tánh. Hữu lậu, Vô lậu hoặc định, hoặc tán, chỉ có thiện, chẳng có chi khác, là gia hạnh chứ

chẳng phải “Sinh-đắc”.

- Nếu nói Tam-ma-địa “không”, “Vô tướng”, “Vô nguyện”, thì chỉ do tu mà thành. Hữu lậu, vô lậu, chỉ có định, chẳng phải tán.

- Nếu nói không giải thoát môn v.v... thì chỉ là Vô lậu, do tu mà thành tuệ, chứ chẳng phải văn tuệ tán, v.v....

2/ Giải thích tên riêng: “Không”, nghĩa là pháp sinh, tánh Vô ngã, chẳng thật có. Vô nguyện là không nguyện cầu. Vô tướng: Luận Phật-địa Quyển thứ nhất chép: “Lìa mười tướng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sinh, già, chết.”

Kinh Niết-bàn quyển mười ba nói có mười ba tướng. Ở đây, thêm ba tướng: khổ, lạc, xả. Về nghĩa Tam-ma-địa như ở trước đã nói.

Giải thoát: Nghĩa lìa trói buộc, hoặc do “duyên” lìa các Đế ràng buộc này, hoặc do khởi sự chứng giải thoát vô vi. Dựa vào môn giải thoát của hai nghĩa để gọi là môn giải thoát, hoặc Thể vô lậu giải thoát chính là môn.

3/ Nêu ra Thể: Chỉ lấy Đẳng-trì để làm tự thể. Dù phần vị Văn, Tư là có, nhưng trí xuất thế kia đều có, vì Đẳng-trì vượt hơn. Hoặc lấy Định, Tuệ làm tự tánh. Trong giải thoát, vì hai Định, Tuệ này vượt hơn, nên tương ứng với bốn uẩn, quyến thuộc năm uẩn.

Thuộc bốn trí: Điều cùng chung cả ba trí, vì đi suốt qua Văn, Tư, Tư, thế, xuất thế. Gia hạnh, Hậu-đắc, ba hạnh, về lý thì chung.

Kế là trong văn ở trước nói về cảnh thì đồng, hành thì khác, nên trí căn bản cũng đủ ba hạnh. Về nghĩa thì nói riêng ba, chẳng phải ba, vì thời gian khác khởi.

Gồm sáu năm mươi sáu hành tướng. Pháp sư Khuy Cơ giải thích, đại khái có tám môn không đồng:

1/ Dựa vào hai hạnh thuộc về “không” của luận Tiểu Thừa. Vô nguyện gồm sáu hạnh; Vô tướng gồm bốn hạnh. Ở đây nói không mong cầu hữu vi.

Lại theo Quyết-trạch quyển mười một nói: “Không hạnh, Vô ngã hạnh trong chánh kiến, gọi là “không hạnh”; hạnh khác, gọi là “Vô nguyện”, một hạnh, gọi là Vô tướng. Nghĩa là Diệt đế lìa kiến trói buộc, thuận đồng với Luận Tiểu thừa.

2/ Dựa vào “không” trong quả hiểu rõ về văn kế trước của Du-già, như trước nói: Vô nguyện sáu, Vô tướng tám.

Lại, quyển bảy mươi bốn giải thích: “Trong ba tánh, do tánh Biến kế sở chấp, lập môn không giải thoát. Do tánh y-tha khởi, lập môn Vô nguyện giải thoát”. Duy Thức cũng nói: “Tùy theo tướng, mỗi tướng

đều có một “không”, “Vô nguyện”, “Vô tướng” như thứ lớp, nên biết.

Lại, nói tâm vô lậu v.v... chấp nhận thuộc về hai tánh. Vì tánh duyên-sinh, nên thuộc về Y-tha. Vì không điên đảo, nên thuộc Viên thành thật. Cho nên bốn hạnh đạo cũng có cả Vô tướng.

3/ Dựa theo văn ở đầu này, chẳng thuộc ba. Quyển hai mươi tám cũng nói: “Sở-tri có hai: “có” và “chẳng có”. Dựa vào “chẳng có” để lập “không”. “Hữu” có hai thức:

a/ Hữu vi; b/ Vô vi

Bị ba cõi trói buộc, gọi là “Hữu vi y”, lập môn Vô nguyện giải thoát Niết-bàn, gọi là Vô vi y; lập môn Vô tướng giải thoát cho nên, biết Đạo bốn chẳng phải ba. Quyển năm mươi lăm cũng nói: “Hai hạnh thuộc về “không”; sáu hạnh thuộc về “Vô nguyện”; bốn hạnh thuộc về “Vô tướng”.

Các hạnh của Đạo đế là nhân thanh tịnh, chẳng thuộc về ba môn, như quyển năm mươi lăm ở trước nói: Nhưng Đạo bốn chung ba hạnh. Kia nói: “Duyên” đạo trí không, thực hành Đạo, Như hành, xuất. Đây cũng là Không hạnh “duyên” Trí. Đạo Vô tướng tác thành đạo Như hạnh, xuất hạnh. Đây cũng là Hạnh Vô tướng “duyên” Trí. Đạo Vô nguyện tác thành đạo Như hạnh, xuất hạnh. Đây cũng là Hạnh Vô nguyện.

Ý này nói rằng: “Duyên đạo “không” tác thành “không hạnh” v.v... là tức hạnh “không”, “Vô tướng”, “Vô nguyện”. Cho nên, bốn hạnh cũng là Đạo, về lý, chung cả ba môn.

5/ Dựa vào quyển bảy mươi hai nói: “Không” gồm thâu mười sáu hạnh. Nghĩa là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đều bốn, vì đều vô ngã. Luận ấy nói: “Tướng trong năm pháp, chung cho ba thứ, vì chân như, chánh trí cũng là cảnh “không”.

“Vô nguyện” gồm thâu tám Hạnh. Khổ, Tập đều có bốn tướng chung cả ba thứ, vì tất cả hữu lậu đều là bất nguyện. Danh và phân biệt là vì cảnh của “không” “Vô nguyện”. Vô tướng gồm thâu bốn hạnh. Dù đối với tướng v.v... cũng có hạnh Vô tướng, vì chỉ quán Diệt đế, tức quển sáu mươi chín nói: “môn Không giải thoát gồm thâu tám trí. Bốn đế của Pháp loại và tận, Vô sinh, Vô nguyện thuộc sáu trí: Pháp, Loại, Khổ, Tập và Tận, Vô sinh. Vô tướng thuộc năm Trí: Pháp, Loại, Diệt, Tận, Trí Vô sinh.

6/ Dựa vào quyển tám mươi sáu, mười sáu hạnh đều là “không” hạnh. Hai Hạnh Khổ là hạnh Vô nguyện, nghĩa là Vô thường, Khổ. Diệt bốn hạnh, là hạnh Vô tướng.

Thuyết ấy nói: “Do sức tăng thượng của ba môn giải thoát, kiến

lập bốn thứ pháp Ôt-Đà năm. Dựa vào “Vô nguyện”, lập tất cả Hạnh Vô thường, tất cả hạnh khổ. Dựa vào “không” lập tất cả pháp Vô ngã. Dựa vào Vô tướng lập Niết-bàn vắng lặng, dựa vào bốn, vì lược tập, nên nói lời này, cho nên không trái với môn khác.

Bảy “không” chẳng phải mười sáu Hạnh “duyên” hai “ngã”, vì đều “duyên” Đế. Vô nguyện gồm sáu mươi hai; Vô tướng gồm sáu mươi bốn; Vô nguyện gồm tám; Vô tướng cũng tám; vì thể của hai môn y-tha, viên-thành.

Quyển Bảy mươi bốn chép: “Ba Môn giải thoát, như thứ lớp quán biến-kế sở chấp. Tám mươi sáu hạnh đều có ba Hạnh. Một nghĩa trong trí Vô phân biệt nói là mười sáu hạnh. Nghĩa nói ba môn giải thoát gồm sáu mươi hai, tức ở đây trước nói hạnh riêng, cảnh đồng.

Duy Thức cũng nói: “Cảnh giới sở thành của ba môn giải thoát với ba tánh gồm sáu mươi hai, vì về lý, thật sự đều thông suốt.”

Như thế, lược nói tám, vẫn không đồng, nghĩa riêng, đối nhau, lý không trái nhau. Các người có trí lại dạy bảo vẫn khác lạ nên tùy từng nghĩa mà giải thích, không nhọc sức vặn hỏi.

Luận sư Cảnh giải thích: “Không vô ngã hạnh là không Tam muội. Đây là từ hạnh giải mà được tên.” Lại nói: “Tám trí gọi là “không”, nghĩa là chính thức chứng Chân-như, thật ra chẳng có “không giải”, chỉ đối với nghĩa quán “nhân” là pháp trong quán nói tên là “Không”, “Vô nguyện”. Hoặc chỉ Khổ, Tập, không nói Đạo, nghĩa là chẳng phải vì đáng chán, do cơ xứ chỉ diệt nói là Vô tướng. Đạo chẳng phải Vô tướng, nghĩa là diệt ly mười tướng được Vô tướng, vì gọi là Đạo có ba tướng, nên chẳng phải Vô tướng.

Có chỗ nói Đạo, gọi là Vô tướng, nghĩa là Đạo để có tướng sinh, diệt, nhưng không có năm trần và tướng nam, nữ cũng gọi là Vô tướng. Lại do Đạo để che lấp sinh tử mà có mười tướng; dẫn đến Niết-bàn, vì không có pháp mười tướng, nên gọi là Vô tướng.”

Có chỗ nói: “Bốn hạnh của Đạo chẳng phải thuộc về ba Tam muội, vì thuận với trong kinh nói có bốn pháp. Ngoài ba giải thoát, lập riêng hạnh của Đạo để làm thứ tư.

6/ Dựa vào Địa để phân biệt: Nghĩa Hữu lậu, có mười một Địa: Sơ cận phần của cõi Dục, trung gian và tám căn bản. Bảy cận phần của định trên, chẳng có quán này, vì hạnh giải hẹp. Vô lậu, là chung cả mười Địa, trừ cõi Dục.

7/ Dựa vào thân để phân biệt. Hai mươi sáu hạnh hữu lậu, vô lậu chung cho thân của ba cõi đều chấp nhận được khởi.

8/ Trùng ba Đẳng-trì. Dù không có văn nào nói, nhưng về lý, cũng có cả “Hữu”. Nhưng chẳng phải chỉ Vô Học Bất thời giải thoát khỏi mà ngay cả phàm phu Hữu học cũng có thể khỏi Đẳng-trì. Vì không chỉ hữu lậu cũng thông suốt qua Vô lậu, nên, Hiền Dượng quyển bốn nói: “Bốn hạnh của Đạo đế có cả ba môn giải thoát, tức hạnh “trùng duyên” của ba Đẳng-trì là Vô lậu, như lý nên biết.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, giải thích ba thứ như có Tâm, có Từ v.v...

Đa số người phương Tây (Thiên-trúc) đều nói là Tâm, Từ ở Địa Phương tiện, không ở căn bản Sơ thiên, chỉ trừ các Tam-ma-địa vô lậu.”

Thuyết này vì cảm sinh ba Tam-ma-địa của địa trên, vô lậu bất sinh nên dứt trừ.

Thứ ba, là giải thích về vô lượng Tam-ma-địa của Tiểu thừa, Đại thừa. Văn có ba:

1/ Lực phân tích nghĩa vô lượng của Tiểu thừa, Đại thừa.

2/ So sánh, giải thích văn kinh.

3/ kiến lập riêng nghĩa của bốn vô lượng trong kinh. Văn đầu tiên có ba, rất dễ hiểu.

Từ đây trở xuống, phần thứ hai, giải thích trong kinh:

Vì có sai khác chuyển tăng sau sau của Tam-ma-địa, nên đã sinh khởi mà có sai khác, nghĩa là do chuyển tăng sau sau của Đẳng-trì có hơn kém khác nhau, nên làm cho ánh sáng đã sinh khởi có vô lượng sự sai khác hơn, kém, lớn, nhỏ.

- Thế nào là tác ý được thành chỉ hai? Nghĩa là tùy Thắng giải, vì giới hạn thi thiết Tác ý. Nói rõ hơn là khi cầu định, vì tùy theo chỗ hơn, kém, nên tác ý được thành.

Hai là, sao Tác ý chỉ có hai, hay “duyên” tu thành chỉ có hai?

- Đây là hỏi Tác ý thế nào? Chỉ hai thứ hơn kém hay là do “duyên” tu định mà thành hai? Nghĩa là tức do đáp dưới đây:

- “Do Tác ý cầu định, vì lúc đầu kém, về sau thì vượt hơn, nên đối tượng tu định có hai thứ hơn, kém.

- Thế nào là do tu chỉ hai, là “duyên” tu hạnh thành chỉ có hai hay Tĩnh lực hữu lậu hơn, kém, không có “duyên”, khiến cho hạnh bất động cũng thành hai thứ. Do hạnh bất động hai, nên cảm sinh cũng hai.

Dưới đây sẽ nói do hạnh hơn, kém mà sinh có Hữu tình, lập ra sự sai khác cao, thấp, hơn, kém. Trong đây, nói Bồ-đặc già-la đã nói hơn, kém là hai. So sánh với số trước, nói là hai. Nói hai, đều y cứ ở chỗ hơn, kém là hai.

Lại nữa, “thế nào là Kiến lập bốn định vô lượng? Trở xuống, là thứ ba, trong phần Kiến lập nghĩa Vô lượng. Văn chia làm hai:

1/ Giải thích hình tướng sai khác của bốn vô lượng trong kinh.

2/ Giải thích về sự sai khác của vô lượng.

Bốn vô lượng này, như kinh Bồ-tát Tạng quyển bảy; Kinh Niết-bàn quyển mười lăm; Kinh Thập Địa quyển năm; Du-già quyển ba mươi bốn; Hiền Dượng quyển bốn; Đối Pháp quyển ba; Luận Phật Địa quyển năm đồng giải thích. Đến trong Bồ-tát địa nói rộng về nghĩa môn.

Trong ba hữu tình, khởi riêng là đầu tiên.

3/ Duyên “chung là sau? 1/ Tác ý v.v... đối với không khổ, không vui. Ba thứ Từ, Bi, Hỷ, như thứ lớp phối hợp xong.

Tổng quát là đối với ba pháp này, muốn cho vui v.v..., là vì muốn cho chúng sinh kia không phải lo nghĩ. Tác-ý không nhiễm ô. Đây là giải thích về hành tướng xã, tức lấy ba hữu tình trước làm cảnh. Hữu tình không có khổ, không có vui, vì si tăng thượng, nên phần nhiều ưa lo nghĩ, ham mến tập khổ sinh, tử, mê các cảnh giới. Trước cho vui rồi. Nay, muốn cho họ không phải lo nghĩ, ham mê, say mê tập khổ sinh tử, vì bỏ sự ngu si kia. Có Hữu tình khổ, phần nhiều sinh sân nhuế, trước đã cứu vớt khổ cho họ xong, giờ đây, muốn cho họ không nổi lên sân nhuế nữa.

Có Hữu tình vui, phần nhiều sinh tham dục, trước không sinh tâm ganh tị, bảo họ lìa dục, vì muốn cho họ không khởi tham dục. Đối với ba hữu tình, khuyên họ bỏ ba thứ, khởi tác-ý không nhiễm ô này.

Quyển bốn mươi bốn chép: “Bồ-tát tức đối với Hữu tình của ba thứ không khổ, không vui, có khổ, có vui. Tùy theo thứ lớp đó, phát khởi ý tăng thượng xa lìa các hoặc si, sân, tham, tăng thượng ý lạc “duyên” khắp mười phương, đây gọi là xã.”

Luận Hiền Dượng nói: “Từ lấy vô sân; Bi lấy Bất hại, Hỷ lấy Bất tật.”

Kinh Niết-bàn cũng nói: “Từ bỏ sân đoạt lấy mạng sống; bi, trừ sân dùng roi gậy; Hỷ trừ bỏ không vui.”

Luận Đại Trí nói: “Ba thứ vô sân ở trước làm thể, đều đồng với từ này, đều có tánh vô sân.”

Kinh Niết-bàn lại nói: “Từ dứt trừ tham dục, nghĩa là keo kiệt ưa không cho, nói là tham dục. “Duyên” niềm vui của mình, nảy sinh cắt đứt sinh mạng chúng sinh, nói là sân.

Nay, không cắt đứt mạng sống, gọi là vô sân.

Vô tham “duyên” lạc sinh. Vô sân, “duyên” hữu tình khởi, nên

người tu từ nói là dứt trừ tham, sân.

Quyển mười một ở trước, và Luận Hiển Dương, kinh Niết-bàn đều nói xả trừ tham dục, sân nhuế, lấy hai pháp vô tham, vô sân làm tánh.

Quyển mười bốn ở dưới nói: “Xả trừ tham dục.”

Luận Đại Trí Độ nói: “Tức vô tham. Vô tham này và ba thiện căn trong ba mươi bốn làm tánh.”

Luận Đại Trí Độ v.v... nói: “Vì dựa vào “duyên” ban niềm vui của mình cho người khác, nên thể là vô tham.”

Kinh Niết-bàn cũng chép: “Tự Xả kỷ, ưa thí cho người, đây gọi là Đại Xả. Hai sinh Thuận, trái, phần nhiều khổ tham khổ. Bình đẳng khuyên trừ thêm nhau, nói là Xả, lấy hai pháp của kinh Niết-bàn v.v... làm tánh. Hữu tình trong pháp giới là ba nhóm thực hành xả bình đẳng, cho nên lấy ba thiện làm tự tánh, mỗi thiện đều y cứ vào một nghĩa lý không trái nhau.”

Luận sư Bị nói: “Văn này đã nói ngay ba thứ này, nên biết xả vô lượng định, lại không tu riêng.” Kinh nói: “lấy Từ đều thực hành đẳng tâm”, là phần thứ hai, giải thích về sự sai khác của bốn vô lượng.

Văn kinh có ba:

1/ Giải thích kinh.

2/ Hỏi đáp, nói về nhân giải thích kinh riêng.

3/ Kết thành hạnh thánh.

Văn đầu có mười câu:

Lợi ích yên vui, tất cả vô lượng đã chỉ bày rõ ràng: Trong bốn vô lượng, đều có hai.

Quyển bốn mươi bốn nói: “Ba vô lượng đầu là đem lại cho chúng sinh sự yên vui, một vô lượng sau là lợi ích.” Quyển ấy còn nói: “Ba thứ đầu hiện ích cho thế gian, gọi là yên vui, một thứ sau cho ích xuất thế về sau, gọi là lợi ích. Vì thế, nên hai sai khác. Đây là dựa vào bốn thứ đều có công năng cứu khổ, cho vui, vì đều có năng lực cho phước, trí, quả vị Tiểu thừa, Đại thừa, nên đều gọi là lợi ích.

Không có oán ghét, không có kẻ thù. Không có não hại, ý, ngữ, thân nghiệp, như thứ lớp phối hợp. Ví như chỗ giao lưu của các con sông lớn, dù cho vô lượng mọi điều thiện nhóm họp chung một chỗ.”

Hỏi: “Kinh nói...” trở xuống, là phần thứ hai, hỏi đáp, nhân giải thích trong kinh riêng. Đây là nói ba thừa, ngoại đạo đều tu chung bốn vô lượng, chỉ dựa vào bốn tĩnh lực cõi Sắc, vì hành tướng rộng, nên Từ, nhớ nghĩ định thứ ba, Bi, nhớ nghĩ “Không Xứ v.v... mà tu tập, chứ chẳng phải nhập định Không Xứ v.v... để tu bốn vô lượng”.

Nếu các Bồ-tát, Thanh văn với tuệ rộng, nương tựa tâm Vô Sắc, hiểu rõ tất cả pháp, tu bốn vô lượng, về lý, dù không ngăn ngại, nhưng vẫn chưa thấy được lời nói chân thành.

Nói lấy tu Bi. Nghĩa là muốn cứu vượt nỗi đau khổ trong cõi Vô Sắc, xa lìa các khổ, các khổ đoạn hoại v.v..., vì cõi kia đều là không. Không Xứ đều không do sắc mà nảy sinh nỗi khổ cắt đứt, hư hoại v.v....

Tu tâm bi: Nghĩa là nghĩ đến chúng sinh khổ, mong sao cho họ nhanh chóng đến với không khổ và chỗ được nương tựa. Chỗ được nương tựa là “không xứ định, không có các khổ. Cho nên, nói tu Bi cùng cực ở Không Xứ.

Lại có một giải thích: “Đối tượng nương tựa là sắc thân. Không có khổ và nơi khổ nương tựa, tức là Không Xứ Định.

Tâm vô lậu của Vô sở hữu xứ, biên sau cùng của Địa. Địa này dựa vào sự dứt “hoặc” một cách sáng suốt, nhạy bén. Vô lậu, chẳng phải đạo chơi, vì thông suốt đến Hữu đẳng.

“Như thế, tất cả trở xuống, là phần thứ ba, kết thành Hạnh thánh. Luận sư Cảnh giải thích: “Hỏi “Người Nhị Thừa đã được bốn vô lượng là hữu lậu của họ, sao kinh nói là phần giác đều cùng vận hành?” Vì để giải thích về nghi ngờ này, nên luận nói rằng: “Như thế tất cả đều là hữu lậu, nhưng chỉ bậc thánh mới có thể tu, cho nên kinh nói rộng bốn vô lượng này, phần giác đều thực hành.”

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Dựa vào công hạnh thù thắng, chỉ có bậc thánh mới có thể tu. Nếu bậc vô lậu, thì phần giác đều cùng lúc vận hành. Nếu người hữu lậu, thì Nhị thừa đồng khởi phần giác, có công dụng trước, sau đều thực hành, dẫn đến phần giác. Do đó, phần giác cũng được gọi là hạnh thánh.

Thứ tư là giải thích một phần, đủ phần trong tu vẫn có hai:

1/ Giải thích riêng hai tu.

2/ Giải thích về các khó của định.

Luận sư Cảnh nói: “Tu một phần: Nghĩa là như muốn quán sát các thắng Xứ như xanh v.v..., khi quán, đối với gia hạnh trước, hoặc chỉ nghĩ đến ánh sáng; hoặc nghĩ đến các sắc, mà nhập vào định, nói hai thứ như thế tùy theo thứ lớp, hoặc rõ biết ánh sáng, hoặc thấy các sắc. Do phương tiện thành, khi chính khi nhập định, hoặc hiểu rõ ánh sáng, hoặc thấy các sắc.

Tu đủ phần. Nghĩa là về phương tiện, tư duy đủ hai thứ, lúc được nhập định, cũng hiểu rõ ánh sáng, cũng thấy các sắc.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Một phần đầu, tu nghĩ ánh sáng, như sự

giải thoát đầu. Tư duy tướng sắc, như giải thoát thứ hai. Tư duy hai thứ, như Tịnh giải thoát lúc chưa thành tựu viên mãn.

Vấn nạn định rằng, hỏi là vấn nạn ai? Tà đáp về tướng Tam-ma-địa v.v.... Nghĩa là đối tượng duyên (sở duyên) của định này và vấn nạn của hai nhà về tướng nhân duyên. Định biến đổi màu xanh do là cảnh tướng lại ở sinh nơi định.

Về tướng nhân duyên, như quyển sau sẽ nói, nghĩa là tư lương của Định.

Mười một điều khó. Luận sư Cảnh nói: “Kinh dù nói đủ, nhưng trong luận này nói chỉ có tám điều khó. Nghĩa là “Trước hết trong đây, cho đến cũng lại như thế”, là một điều khó.

Từ câu: “Do không khéo gìn giữ căn môn v.v... cho đến giải thích chim yến là khó thứ hai.

“Người kia chỉ tư duy mong cầu cho đến quanh quẩn, bỗng nhiên khởi là khó thứ ba.

“Người kia lúc thực hành cho đến với Định là khó, là cái khó thứ tư. Hoặc nhân định khởi mạn là nạn vấn thứ năm, hoặc nói bàn nhiều là thứ sáu, hoặc Tầm Tư lâu là thứ bảy. Hoặc nhân Định, sinh tướng ánh sáng, tức là xả tu để bên trong, kiêu sa sắc bên ngoài, đó là tám nạn.”

Pháp sư Thái nói: “Theo luận Thành thật quyển hai mươi hai, phẩm Định Nạn cũng có mười một điều khó, đa số đồng với luận này, thứ lớp có khác nhau. Mười một điều khó ấy là:

1/ Cái khó của định điên đảo. Vì cầu nhận biết bất thiện. Cái khó này thích hợp với định nạn thứ bảy của luận Thành Thật.

2/ Các khó về không có niệm định: Là phương tiện sau v.v... tương đương với nạn thứ sáu.

3/ Cái khó về các định như tham v.v..., vì không giữ gìn căn môn v.v..., tương đương với thứ mười một.

4/ Cái khó của định không thích hợp, vì phần nhiều giác ngộ, tương đương với thứ ba kia.

5/ Cái khó của định không bình đẳng, là hai sự tinh tấn này không đúng.

Bệnh tật, tức thân, tâm mỗi một tội độ. Chậm, tức không nhận lấy tướng Định, đều mất thiền định. Như bắt con chim, đều ngay sau khi quả mỗi một, liền bay đi, thích hợp với định nạn thứ năm kia.

6/ Cái khó của Hỷ định khô, tư duy mong cầu, cầu nhau một đắc, hai đẳng; thích hợp với định nạn thứ nhất kia.

7/ Cái khó của định sợ hãi. Khắp cả các phương, không biết trọng,

hợp v.v... vì không tương tận sắc. Nếu hành giả biết không tương tận, thì tự diệt, tương xứng với định nạn thứ hai kia.

8/ Cái khó của định tương khác. Người kia lúc đi, đứng, vì khởi tướng thế gian, thích hợp với định nạn thứ tư kia.

9/ Cái khó của định có mạn. Nhờ định đã tu, vì tự đề cao, thích hợp với định nạn thứ mười kia.

10/ Cái khó của định nhiều lời. Nói nhiều, lo nghĩ v.v... lâu, thích hợp với định nạn thứ tám kia.

11/ Các khó không nhận lấy tướng định. Thấy tướng định, vì xa trong, quán ngoài, tương xứng với định nạn thứ chín kia.

Pháp Sư Khuy Cơ có tướng văn đại khái đồng với Luận sư Thái vẫn nói rằng: “Mười một điều khó của luận Thành Thật là danh tự, thứ lớp, thể tánh, hành tướng, có một ít nghĩa khác với luận này, phối hợp, nên biết.

Chim Xích yến, là chim Thủy Trát.

Các khó khăn như thế, tùy đối tượng thích hợp với sự khó khăn đó, đến tướng nhân duyên, nghĩa là nên được thì chưa được, lui sụt. Hoặc gặp những thức này, nghĩa là đã được mà lui sụt mất.

Phần thứ năm là ba thọ đều nhất định, tùy theo Địa kia tăng, chẳng phải không có các Địa khác.

Phần thứ sáu, trong bốn tu định, Sơ định là được hiện pháp lạc trụ, đứng trong Đạo phương tiện. Bốn tinh lự căn bản, gọi là Hiện pháp lạc trụ. Vì được pháp này nên tu định cận phần. Lại Địa căn bản chưa viên mãn trong sạch, tu các định căn bản, sao cho được viên mãn. Nói chung, lấy định thiện hữu lậu, vô lậu làm thể, nhằm chỉ thị bày cho những người tu tập chưa hề được định. Đây là giải thích về lời vấn nạn: “Hầu hết bốn cận phần và định căn bản đều là người mới tu định, vì sao trong kinh chỉ nói là Đạo phương tiện trước tĩnh lự đầu? Cho nên nay giải thích: “Vì chứng tỏ người tu tập chưa hề được định, bởi Hiện pháp lạc trụ đầu tiên chưa từng được. Nếu tu ba Địa trên, vì chủng loại đã từng được, nên lược qua không nói.”

Luận Câu-xá quyển hai mươi nói: “Nêu trước bày sau. Về lý thật sự có cả pháp khác. Phải biết rằng, đây là ở khả năng phát ra Đạo phương tiện trước của Thiên nhãn mà có người tu định. Tu định thứ hai này chỉ lấy bốn Địa căn bản để tu Thiên nhãn thông suốt qua Đạo Gia hạnh ở trước và Đạo Vô gián đã có tu định. Đây là chung cho cả hữu lậu lẫn vô lậu, những người có khả năng nhận biết danh tự v.v... như thế của các vị trời. Nghĩa là dựa vào cõi vượt hơn để nói, thật ra là thấy cả

các đường “Hữu” cho đến nói rộng, nghĩa là được quả Dự lưu hướng của hiện quán Đế, trong Đạo phương tiện, nơi có người tu định. Quả Dự Lưu Hướng, nghĩa là Chân Kiến đạo và Tướng Kiến đạo.

Mười lăm tâm trước đều gọi là phân biệt tuệ. Vì được tuệ này, nên đã có người tu định trong đạo Gia Hạnh của các pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đế nhất, vì tuệ này tu thể, chỉ hữu lậu là tánh. Hoặc ví người tu tập các vô ngại giải. Vô ngại giải đó là Phân biệt tuệ. Dựa vào bốn Tính lự v.v... tu Định Phương tiện này, là thể của tu định này, chung cho hữu lậu và vô lậu, nghĩa là đã có người tu định trong Đạo phương tiện của quả La-hán. Quả La-hán, các lậu đã hết, Định Kim Cương Dự và đạo gia hạnh là thể của tu định này. Thứ ba trong đây khác với Tông Tiểu thừa. Tông ấy nói: “Tu các gia hạnh thiện của ba cõi được phân biệt tuệ. Vì Thể của phân biệt Tuệ chung cả Văn, Tư, Tu, nên trở thành sai khác. Đầu tiên tu hiện pháp lạc trụ, là quả của định. Vì thù thắng nhất trong tám định, nên nói riêng. Vì được quả này, nên lập tu định đầu tiên.

Năm thần thông ở trước, chung cho cả phàm, Thánh đều được. Biết hơn, thấy hơn, chỉ thuộc Thiên nhãn, vì dẫn dắt sinh vượt hơn. Vì được thần thông này, nên lập tu định riêng.

Đầu tiên, nhập Địa vị Thánh, chỉ có Dự Lưu hướng. Quả Thánh viên mãn chỉ có A-la-hán. Vì được quả vượt hơn của hai thời kỳ đầu, sau, nên lập riêng tu định thứ ba thứ tư.

Quả A-la-hán tức lậu tận thông. Dù Hướng của hai quả Nhất Lai và Bất hoàn, cũng có chứng đắc Sơ quả, nghĩa là quả siêu việt, nhưng vì chẳng phải quyết tâm, nên lược qua không nói.

Thứ bảy, trong Tam-ma-địa của năm Thánh Trí có ba:

- 1/ Nêu dẫn kinh.
- 2/ Trình bày năm trí.
- 3/ Giải thích riêng về kinh.

Theo Bà Sa quyển ba mươi mốt cũng nói năm Trí này.

Có thuyết nói: “Đều là tánh của tám trí, trừ Diệt, Tha tâm.

Ngài Diệu Âm nói: “Đều là tánh của sáu Trí, trừ Khổ, Tập Diệt, Tha tâm.

Bình luận: “Tất cả đều là tánh của trí Thế tục, đều biệt sự việc có sai khác. Năm Thánh trí này đều thuộc về Xử trí lự. Hoặc luận Thành Thật cũng có nói về trí này.

Nêu danh, giải thích riêng, rất giống với luận này.

Nếu theo Thành Thật và cách giải thích từ đây trở xuống thì, phải

nói một cách đầy đủ (cụ thể).

1/ Tam-ma-địa này của ta là bậc Thánh vô nhiễm, vô chấp, là tự thể trí.

2/ Tam-ma-địa này của ta chẳng phải đối tượng gần của phàm phu là đối tượng được Không-tuệ ca ngợi, là trí của Bồ-đặc-già-la.

3/ Tam-ma-địa này của ta vắng lặng, mầu nhiệm là Thanh tịnh trí.

4/ Tam-ma-địa này của ta được an ổn, chứng tâm một cõi, hiện tại an vui, Dị-thục vui sau là Trí quả.

5/ Tam-ma-địa này của ta, do chánh niệm mà nhập, chánh niệm mà xuất, là trí định nhập xuất.

Luận sư Cảnh nói: “Năm Trí này, đầu tiên khởi là gia hạnh trí, về sau thành tựu là Trí hậu đắc. Trí là chủ thể biết (năng tri); Tam-ma-địa là đối tượng biết (sở tri).

Bị Luận sư nói: “Tự thể trí, gọi là Pháp trí, Già-la trí, gọi là Loại trí, Thanh tịnh trí, gọi là Tận trí, Quả trí, gọi là Vô sinh trí, Nhập, xuất Định trí, gọi Đạo trí.

Trong giải thích riêng kinh có mười bốn trường hợp:

Ba câu đầu là Tự thể trí. Ba câu kế là Bồ-đặc-già-la trí. Hai câu kế, là Thanh tịnh trí; bốn câu kế là Quả trí. Hai câu sau là Nhập, Xuất định tướng trí.

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Chứng tâm một đường vì đã được không có tâm, không có Từ, nghĩa là y cứ được Địa vị mãn trí, đây là Định Vô lậu.

Vui sau, nói là Dị thực, nghĩa là gần của cải (tư chất) hữu lậu được quả Dị thực, xa được Niết-bàn. Mượn danh từ Dị thực để gọi là chung trí Dị thực, chỉ thiện Vô lậu, gọi là năm Thánh trí.

Trong đây có giải thích:

1/ Đầu tiên, ở Kiến Đạo, trước là dứt trừ phiền não sao cho định thanh tịnh.

2/ Nhập địa vị Vô tướng mà được định của bậc thánh.

3/ Định mà các bậc Nhất Lai, bất hoàn đã được. Vì tham v.v... mỏng nên dứt hết; vì “hoặc” dục, nên như thứ lớp phải biết.

4/ Chung cho Bất Hoàn và La-hán đã được định. Vì hiện pháp lạc trụ, nên Dị thực sau, cho nên như thứ lớp có thể phối hợp.

5/ Chỉ tồn tại ở địa vị Vô học, vì thường vận hành tâm Vô tướng. Cứ theo Tiểu thừa so sánh với Đại thừa. Đại thừa cũng có năm:

1/ Ở trước Địa.

2/ Sơ Địa.

3/ Bảy Địa trước.

4/ Hai Địa sau.

5/ Như Lai Địa.

Nhưng giải thích về Tự thể trí trong văn này nói rằng: “Vì vô lậu nên gọi Thánh, há nói chỉ phàm phu này là nhất định ư?”

Nay, tìm kiếm tướng văn, vì cũng có thể thiện, nên gọi là Thánh, ở địa vị Thánh. Đây chẳng phải là Thánh thuần túy. Cho nên, trí thứ hai mới gọi là chẳng phải đối tượng mà phàm phu được gần.

Tam-ma-địa của năm chi Thánh thứ tám. Nghĩa là nếu dựa vào Luận Thành Thật nói rằng: “Tam-muội của năm chi thánh, nghĩa là tướng quán, tướng sáng của tâm thanh tịnh Hỷ lạc. Hỷ lạc là tướng hỷ của Sơ thiền, Nhị thiền, vì đồng, gọi là một chi. Đệ Tam thiền lấy ly Hỷ lạc, phân biệt làm một chi. Chi thứ ba của tâm thanh tịnh trong Đệ Tứ thiền.

Dựa vào ba chi, có thể sinh tướng sáng, tướng quán. Tướng sáng và tướng quán này là nhân hay hủy hoại, rã rời nam ẩm. Vì quán năm ẩm là không, nên gọi là quán tướng. Vì có khả năng nhập Niết-bàn nên gọi là Thánh.

Nay, văn luận này nói: “Các Hiền, Thánh trong bốn tinh lục, nhất định mỗi vị Thánh là bốn. Xét quán an lập dứt trừ kiết, phược tất cả Thánh định là chi thứ năm. Văn được chia làm ba:

1/ Nêu năm chi, dẫn kinh chung riêng.

2/ Riêng là dẫn năm chi, giải thích kinh.

3/ Hỏi đáp về tướng của năm chi định.

Dẫn riêng năm chi, trong giải thích kinh. Giải thích về chi ban đầu có mười sáu câu: sáu câu đầu là pháp thuyết, mười câu kế là Dụ thuyết, trong đó nói Ly sinh Hỷ lạc trong Tinh lục.

Dụ thuyết, Dụ chung về tướng của bốn Tinh lục và dụ thứ năm.

Luận Sư Khuy Cơ nói: “Một câu Ly sinh Hỷ lạc trong pháp, các Tinh Lục không đồng, câu khác có thể có chung. Định sinh hỷ, lạc xong, ly hỷ lạc. Thanh tịnh Tinh Lục là vì tánh sai khác của bốn Tinh lục, như trước đây đã giải thích. vì năm trường hợp khác, có thể có cả “Hữu”. Do đó, trong các văn sau, lại không có Pháp thuyết. Chỉ giải thích về Dụ thuyết có khác. Ví như trí Tuệ hay tầm gọi con người, hoặc đệ tử của họ v.v.... Theo phong tục phương Tây, việc tầm gọi thế tục, có người tầm gọi, vì thầy và trò, nên lấy làm ví dụ.

Đồ đựng bằng đồng, dùng để đựng cấp phẩn, dụ cho lừa dục sinh

hỷ lạc.

Day bảo, truyền trao, răn dạy. Nghĩa là khi tắm gội, lấy đồ đựng bằng đồng v.v... đựng tro than để rửa đầu xay nhuyễn thành bột để tắm gội.

Nay, dùng ngôn giáo cũng như đồ đựng kia, Giáo được bày tỏ hay thuận với các tịnh hạnh thiện, xuất ly Tâm, Tư. Như tro đậu, bột nhuyễn mịn, đây tức là đạo Vô gián. Dùng nước rửa, tức là Đạo giải thoát, vì dùng tâm thanh tịnh.

Tắm gội xoa bóp. Người phương Tây (Thiên-trúc) tắm gội xong, dùng hạt cam nghiền nát đem phơi thật khô, tán thành bột, dùng mè, trộn với dầu thơm, giúp cho chất béo được thấm nhuần không cứng, và mịn màng, mới dùng để thoa mình. Lấy mùi hương thanh khiết đó để làm cho làn da được tươi nhuận, sáng sạch; cho nên phải tắm gội, dùng hạt cam khô tán nhuyễn để xoa bóp. Đây là dụ cho hành giả trước kia chưa được định, phải bỏ đi chất thô, nặng.

Kèm tâm niệm, là dụ cho Hỷ hòa hợp. Cây gai thơm, nghĩa là được Hỷ sau định, tư nhuận thân, như dùng dầu để trộn.

Dụ thứ hai có sáu câu:

Núi là nghĩa cao, vì xuất Sơ thiền.

Chóp đỉnh. Nghĩa là đến một vị thắng giải. Núi cao chóp đỉnh, chỉ có một chỏm: định thứ hai chỉ một ý môn (nẻo ý). Thắng giải phẩm thượng, lia các Tâm, Tư, vì cảnh phân tán. Suối, dụ cho Nội đẳng tịnh, tuôn chảy ra các nước Hỷ, lạc. Ven sườn núi, dòng nước chảy ra, to như trục bánh xe, nên gọi là bánh xe nước. Niềm vui thấm nhuần như nước tan tác.

Giải thích như trước, nghĩa là trên nói đối tượng thấm nhuần, nghĩa là Hỷ thấm nhuần khắp là lạc. Su thấm nhuần tương ứng với ý, như xuất bên cạnh. Năm căn kể, như sự thấm nhuần ở trên.

Lại nói, vì Hỷ để lại hai định, nên nói rằng dòng chảy bên. Vì lạc ba định, nên nói rằng, vọt lên. Cũng có thể vì Hỷ trụ tâm nội, nên gọi là dòng chảy bên, vì lạc khắp thân ngoại, nên nói là vọt lên. Ở đây nói khinh an là lạc, đồng với giải thích của Tiểu thừa.

Nước trong dụ thứ ba là dụ cho ly hỷ, Định không có Tâm Tư, cho đến ví dụ, Thai tạng hoa (đài hoa) lặn ở trong nước, lời nói này với ý rõ ràng.

Định thứ hai như nước. Nhân hỷ giao động, bán tung tóc lên như hoa, vì hoa xuất thủy dụ cho Hỷ.

Nay, định thứ ba, ly hỷ không có Tâm, Tư cũng như nước. Lạc kia

như Thai tạng hoa, phôi bào chưa trở, cũng gọi là Thai tạng hoa trong nước, thuận với định, vì không giao động, vọt lên, như ở trong nước.

Trong dụ thứ tư có năm câu:

Vượt qua tai hoạn. Nghĩa là tám tai hoạn, là Tâm, Từ, bốn thọ, hai hơi thở. Đây là nói lìa sai lầm của Địa dưới.

Trắng tươi: Nói lìa lỗi lầm của địa mình. Kế là lấy bốn nghiệp của Trưởng giả dụ cho bốn công dụng của định, như thứ lớp phối hợp.

Dùng tám kinh, chín kinh để làm dụ. Nghĩa là người phương Tây dệt thảm len, cứ tám sợi chỉ, chín sợi chỉ làm thành một cọng theo đường dọc. Khi khởi sự dệt thảm len, thêm đó sẽ chắc chắn, khít khao, liền lạc. Như xứ này chế ra thứ vải tơ lụa, phải sử dụng bốn đến năm sợi tơ, mới được chắc khít.

Thanh tịnh tươi trắng. Nghĩa là như chiếc áo không mỏng, có thể chịu đựng các thứ khổ lạnh, nóng v.v....

Cùng khắp. Nghĩa là như ở chỗ không có sương, tất cả sự tan nát, giao động không thể ép ngắt.

Trong dụ thứ năm, đối với tướng sở quán, ân cần, khẩn đảo v.v..., như trước đã giải thích.

Luận sư Cảnh nói: “Như văn trước của quyển này nói, giải trong tu định tri kiến, và ân cần khẩn đảo Thẩm tra để mà chấp lấy các tướng để nói, đây là nghĩa chung trong đây, nghĩa là thí dụ thứ năm này. Dụ chung cho bốn định, quán như dứt trừ “hoặc”, chỉ đơn cử pháp thuyết, không nói văn thí dụ.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Tướng quán sát thứ mười hai trong ba mươi hai tướng của quyển trước là dùng pháp thuyết để nói. Nghĩa là có Bí-sô ân cần khẩn đảo về việc thiện, nhận lấy tướng đó mà quán sát.

Dụ thuyết nói: “Trụ quán lúc ngồi, ngồi quán khi nằm, hoặc ở hạnh sau, quán sát công hạnh trước, cho nên, ở đây nói là quán sát kỹ các hành trong ba đời đến với chủ thể quán sát.

Lời nói trong hỏi đáp dựa vào duyên khởi quán sát kỹ cho các pháp trong ba đời, lại vì dứt trừ kiết, phược cõi Sắc nên kiến lập thứ năm.

Từ trên đến đây, trong bốn thí dụ sau đều nói rằng sai khác, nghĩa là vì trừ phần nói rõ đồng với thuyết trước và thí dụ riêng trước, cho nên nói thế.

Trong tướng nhất định hỏi đáp, có hai hỏi, hai đáp, nghĩa là các Hiền, Thánh đã có trong bốn Tĩnh lự một tánh cảnh của tâm. Bậc thánh đã được một tánh cảnh của tâm hữu lậu, vô lậu chung trong bốn Tĩnh

lự, gọi là Thánh Tam-ma-địa. Và, đối với việc an lập, quán sát Đế Kỳ như thế, gọi là Tam-ma-địa của Thánh, nghĩa là dựa vào định mà phát trí Thánh quán sát, cũng gọi là Tam-ma-địa.

Hữu thứ chín, đủ trong chánh Tam-ma-địa của bậc Thánh. Văn có ba: Trước là hỏi, kế là riêng về tướng. Sau, “tuệ trong đây là hàng đầu dẫn đạo trở xuống, giải thích về lý do sinh khởi theo thứ lớp trước, sau.

Nói về tướng có ba:

1/ Giải thích về Thánh, phải biết là thiện, nên gọi là Thánh và, vì vô lậu, nên gọi là bậc Thánh, có nghĩa là điều thiện mà Thánh đã được là định hữu lậu, nếu định vô lậu đều gọi là chánh Tam-ma-địa của bậc Thánh.

2/ Giải thích về “Hữu nhân” và “Hữu cụ”.

3/ Giải thích về chánh Tam-ma-địa.

“Nếu trong thời gian này, bỏ tà kiến v.v... trở xuống”, là nói phần thứ hai, văn có ba:

1/ Nêu tên nhân cụ.

2/ Giải thích về lý do của nhân cụ

3/ “Thế nào là chánh kiến v.v... trở xuống, là giải thích về tướng của “nhân cụ”.

Luận sư Cảnh nói: “Nhân, nghĩa là bảy phương tiện, hạt giống giải thoát phần của tâm sinh đắc thiện trước kia, thiện căn đã khởi chánh tư duy, phải từ tâm này thọ giới, tức chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, vì xa định dẫn dắt, nên gọi là Nhân.

Cụ, tức ba tuệ đã khởi trong bảy phương tiện, là chánh kiến, Chánh Tinh tấn, Chánh niệm. Ba thứ này là sự giúp sức gần của Tam-ma-địa, lập là “cụ”.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Y cứ tám chi Đạo thật ở địa vị sau Kiến đạo. Nếu ở trước Kiến đạo, thì cho dù gọi là Chánh Kiến nhưng chẳng phải là chi Đạo. Và, dù có hành tướng của Đạo đó mà chưa được Kiến lập, phải đến Địa vị Tu đạo, mới được gọi là chi đạo.

Nay, giai đoạn phàm phu cũng được gọi là Chánh Kiến v.v... Địa vị Kiến đạo v.v... kia dù không lập là chi Đạo, nhưng chánh Tam-ma-địa của bậc Thánh, có ngay ở địa vị Kiến đạo kia. Cho nên, Chánh Kiến v.v... ở Kiến đạo kia cũng thành. Nhưng do Chánh Kiến dẫn sinh định và giúp sức cho định, nên cả hai Địa vị đều được gọi là “Nhân cụ”. Nhân khác thì không như thế.

Trong giải thích về tướng, nghĩa là trước biết rõ thế gian thật sự có chánh hạnh, chánh chí... của chân A-la-hán.

Luận sư Cảnh nói: “Khả năng hiểu rõ về nhân quả trong Sinh đắc thiện, gọi là Chánh kiến v.v.... Niệm này chính là phần giống với Tam-ma-địa.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Phần” là nghĩa “loại” là phần tương tự của Tam-ma-địa. Niệm này đều cùng lúc (đồng thời) cũng có chánh Tam-ma-địa. Nhưng chưa là bậc Thánh, chính là chủ thể đoạn (năng đoạn) chủ thể mãn (năng mãn) sau, mới gọi là Chánh niệm của bậc Thánh. Vì đều có định, nên nói: “cũng kiêm”.

Trong Tam-ma-địa của Kim Cương Dụ thứ mười, nghĩa là người học Tam-ma-địa của biên sau cùng, đã nói rằng vì biên sau cùng, nên biết chỉ là một niệm chẳng phải nhiều sát-na mà Đối Pháp quyển mười một nói là lấy chung hai đạo Gia hạnh, Vô gián làm định Kim cương. Ngài Tam Tang nói rằng: “Đạo Gia hạnh sau cùng sinh hiện chủng rất vi tế giả diệt; đạo Vô gián vô cùng sinh Tùy miên sau cùng đã diệt, gọi là có công năng.

“Gọi chung hai Đạo này gọi là Kim cương” trở xuống, là dùng ba nghĩa để giải thích:

1/ Bậc nhất hơn hết, là tác dụng.

2/ Dùng để dứt “hoặc”, gom góp điều thiện, nhằm nói về quả Vô học, vì hai dạng rất ráo.

Hai tối tôn thắng. Nghĩa là tối tôn, tối thắng trong hạnh học, gộp hai nghĩa này để giải thích về định Kim Cương dụ này.

Theo chánh nghĩa của Tát-bà-đa, thì gồm có một ngàn chín mươi sáu, nghĩa là dựa vào một trăm sáu mươi bốn định Vị Chí, cho đến định thứ tư cũng thế. Không Xứ năm mươi hai, Thức Xứ ba mươi sáu, Vô sở hữu Xứ hai mươi bốn. Nói rộng như Bà-sa quyển hai mươi tám.

Nay, Đại thừa y theo Nhị thừa dựa vào chín Địa, cõi Sắc sáu, Vô sắc bốn. Bồ-tát chỉ Tĩnh lự thứ tư. Duy Thức có hai nghĩa:

1/ Hiện ở trước này đã được bốn Trí, vì xã một lúc chủng tử “hoặc” thô nặng.

2/ Vào thời gian này, Thức Dị thực ở giai đoạn Đạo giải thoát, bốn trí mới khởi, rộng như trong ấy nói.

Từ trên đến đây, đã giải thích riêng về Tông yếu của kinh có ba. Trong đó, giải thích hai đã xong.

Từ đây trở xuống, là phần thứ ba, giải thích Đăng chí.

1/ Giải thích về Tam-ma Bát Để Hiện thấy, văn được chia làm bốn:

a/ Dẫn kinh, nêu lên.

b/ Giải thích nghĩa Đẳng chí hiện thấy.

c/ Phát ra Thể tánh lược chung.

d/ Giải thích riêng hành tướng.

Tu đạo dứt trừ phiền não, chế phục đối trị: là Đẳng Chí hiện thấy ban đầu; đoạn diệt đối trị là Đẳng chí hiện thấy thứ hai. Và, quán sát đoạn là ba Đẳng chí sau, không đồng với tông chỉ của Tiểu thừa (chủ tướng của Tiểu thừa). Tiểu thừa kia nói:

1/ Quán các thứ bất tịnh thuộc ba mươi sáu vật của tự thân.

2/ Trừ máu v.v..., chỉ quán xương trắng.

Hai quán trên phàm, Thánh đều được.

3/ Quán về xương, thân thức ở trong đó, Hành vừa trụ đời nay, vừa trụ đời sau, tức hai quả đầu, vì chưa lìa dục.

4/ Quán xương, thân thức ở trong đó, Hành không trụ đời nay, chỉ trụ ở đời sau, tức quả Bất hoàn, đã lìa dục.

5/ Quán về xương, thân thức ở trong đó, Hành không trụ ở đời nay, không trụ ở đời sau, tức A-la-hán, vì lậu đã dứt hết.

Hai quán đầu tiên, gọi là Hiện thấy. Ba quán sau, do hiện thấy “duyên” mà khởi, nên cũng gọi là Hiện thấy (nói rộng như Bà sa quyền bốn mươi).

Ở đây thì cho là không đúng, vì cả năm quán đều là đối tượng mà bậc Thánh gần gũi. Vì quán sáng suốt rõ ràng, nên gọi là Hiện thấy.

Y cứ chung ở chế phục, dứt trừ mà phát ra thể của năm Hiện thấy, nên nói rằng, đây là tổng lược thể tánh.

Trong giải thích riêng thì hai quán đầu, luận có hai lượt giải thích:

1/ Đầu tiên là quán bất tịnh, là Chính Niệm Trụ; lấy phương tiện Niệm Trụ để làm y chỉ. Đây là y cứ vào duyên khởi sai khác của căn bản gia hạnh đã nương tựa để làm rõ hai quán bất tịnh.

Đầu tiên “duyên” bất tịnh, sau là bộ xương người.

Thông suốt hơn hết, nghĩa là các quán như xanh, bầm v.v... Ở đây nói quán xương trắng là nghĩa thông suốt rất cùng cực, như xanh, bầm v.v...

Về sau theo thứ lớp vượt hơn, sau cùng càng vượt qua nghĩa quán như tham v.v...

2/ Lượt thứ hai: Thì “Đầu tiên, quán bất tịnh, quán sát bên trong thân. Sau, quán bất tịnh, thông suốt pháp tánh.

Đây là dựa vào duyên khởi sai khác về sự lý cạn sâu của cảnh giới sở duyên, nhằm làm rõ hai quán bất tịnh: Cảnh bất tịnh trong quán căn

bản và hai loại riêng của tánh, cho nên, trước nói đoạn diệt đối trị.

Quán thức lưu chuyển. Nghĩa là giải thích quán sát riêng để đoạn, tức ba quán sau, nghĩa là quán thức đoạn và chưa dứt. Quán sát trạng thái sinh, diệt nối nhau của Thức này là trường hợp cùng cực. Hoặc quán sinh thân, hoặc quán hai thứ chuyển thức sát-na.

Trên đây là giải thích chung về nghĩa quán sát để đoạn.

Ngày, đêm v.v... Như Câu-xá nói: “Một trăm hai mươi sát-na là một Đát-sát-na. Lạp phục bằng mười sáu Đát-sát-na này, ba mươi tu du này; ba mươi ngày đêm này, ba mươi ngày đêm là một tháng. Mười hai tháng là một năm. Mâu-hô-lật-đa, Hán dịch nói là Tu-du.

“Quán sát Hữu học chưa lia dục” trở xuống, là giải thích riêng ba Đẳng chí, đều trụ hai đời: là hiện tại và vị lai, vì thức đều có sự ràng buộc.

Chỉ trụ đời khác. Nghĩa là chỉ đời vị lai, vì thức có sự ràng buộc.

Đều không có chỗ trụ. Nghĩa là vì hai đời, không có sự ràng buộc.

Thắng Xứ, Biến-Xứ thứ hai chỉ như trước đã nói. Nghĩa là vì trong tám giải thoát trước đã nói xong, nên ở đây không nói nữa.

Bốn định Vô Sắc, tức bốn Vô Sắc giải thoát.

Trong luận Quyết Trạch v.v... giải thích bốn Vô Sắc không khác với giải thoát, cho nên cũng không giải thích.

Thứ ba, là nói trong Đẳng chí của Vô Tướng rằng, ở trong sinh này vừa nhập, vừa khởi. Nghĩa là nhập vô tâm, khởi có tâm. Thuyết này đối với định của Địa dưới, nói về quả. Nếu sinh ở Địa đó, thì chỉ nhập không khởi, nghĩa là Duy Thức quyền bày lược có hai giải thích:

1/ Trong sơ sinh vô tâm, vì có tâm chưa có, nên nói là “chỉ nhập”

2/ Sơ sinh có tâm. Về sau, vì ở vị vô tâm, nên gọi là nhập. Nếu không như vậy, thì lúc mới sinh vốn chưa khởi tâm, sao gọi là nhập? Vì trước không, sau có mới gọi là nhập. Hoặc tướng của Địa kia sinh, thì từ nơi Địa đó mất, một thuyết kia nói rằng, sau cùng là vô tâm, nếu từ Đại kia chính mất thì vẫn chưa có tâm, vì không khởi tâm nhuận sinh v.v....

Trong cõi dưới có sơ sinh, gọi là tướng. Nếu sinh, tức là vì từ địa đó mất.

Thuyết thứ hai nói rằng sau cùng có tâm, tướng kia nếu sinh tâm đẳng khởi nhuận sinh, thì gọi là từ kia mất.

Môn khác, như Duy Thức, luận này quyển năm mươi ba, Đối Pháp quyển bốn mươi hai và Hiển Dương quyển mười một đồng giải thích.

Trong giải thích Diệt định thứ tư, đã lia dục Vô sở hữu, y cứ chung

đoạn trừ, chế phục, dựa vào tướng Phi tướng xứ mà nhập định, nghĩa là đối với hai tâm nhiệm này, sinh tướng nhằm bỏ v.v..., tâm Phi tướng, Phi phi tướng vốn nhằm chán Vô sở hữu xứ mà khởi. Nay, cầu Diệt định, lại nhằm chán tâm Phi tướng, Phi phi tướng khiến nó không khởi; tức là tâm vắng lặng. Cho nên, nói dựa vào tướng Phi phi tướng xứ mà nhập định.

Dựa vào tướng Diệt tận mà nhập định, không tác động hiểu biết nhằm, trái, trực tiếp tác động tâm pháp, muốn tận diệt hiểu biết.

Như thế, dần dần, tâm chín phẩm diệt, tâm chán xả trước kia tức là tâm vắng lặng.

Dựa vào người mới tu chưa được tự tại. Nay, nhậm vận (tự nhiên) tạo nên hành tướng Phi tướng xứ. Các tâm hiểu tướng tùy ý diệt tận, vì giống với trước, nên nói “cũng thế”. Là người tu lâu, nên nhậm vận thành. Hoặc đầu tiên, “duyên” hữu vi, khởi tâm tướng nhằm bỏ. Về sau, “duyên” hành vô vi, chán tâm tướng xả vì nghĩa chán bỏ đồng, nên nói “cũng thế”.

Hành này có hai thứ, nghĩa là khi đi, khi đứng ngang bằng.

Luận sư Cảnh nói: “Tâm sơ định có Tâm, Từ khởi lên lời nói, nên gọi là khi đi. Nhị định trở lên, tâm vi tế dần, vì lia Tâm, Từ, nên gọi là lúc trụ.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Sơ định có bốn thức thân, trên tâm “duyên” ngoài, như người đi ra ngoài, nên nói là lúc đi. Ba hành lúc này giống như ở đây nói thứ lớp. Nhị định trở lên, tâm không “duyên” ngoài, như đang ở trong nhà, gọi là lúc đứng. Diệt ba thứ hành, hai định diệt ngữ hành; bốn định diệt thân hành; Diệt định diệt tâm hành, nên nói là thứ lớp diệt ba thứ hành.

Thứ lớp khởi. Nghĩa là dựa vào người chưa tự tại, nói như thế này: “Được giai vị tự tại”, như văn trước nói: “Nhậm vận có thể nhập, khởi tất cả Địa.

Nhậm vận có thể nhập, nghĩa là tuy phương tiện xa, tâm có kỳ nguyện, hoặc đến lúc bấy giờ, vì nhậm vận xuất nhập, nên khi xuất định, “duyên” ba thứ cảnh Xúc.

Ba thứ Xúc. Nghĩa là hoặc dựa vào chánh lý của Bà-sa thuộc Tiểu thừa và luận Thành Thật v.v... đều nói rộng. Vả lại, dẫn Chánh Lý quyển mười hai nói rằng, như kế kinh nói: “Khi xuất Diệt định, sẽ xúc chạm ba Xúc, đó là Xúc Bất động; Xúc Vô sở hữu và Xúc Vô tướng.

Thế nào là xúc chạm ba Xúc này? Có thuyết nói: “Lúc Diệt định khởi, tâm tương ứng có ba Xúc “không”; Vô nguyện, Vô tướng. Như thứ lớp đó, khi xuất Diệt định, thì xúc chạm với ba Xúc.”

Có Sư khác nói: “Tâm Thức Xứ”, không Xứ, tương ứng với Xúc, gọi là Xúc Bất động, vì hai Xúc này thuần thức tướng không. Tâm Vô hữu Xứ tương ứng với Xúc, gọi là Xúc Vô sở hữu, vì không có sở hữu ở trước. Phi tướng, Phi phi tướng tương ứng với Xúc, gọi là Xúc Vô tướng, vì tướng của Tướng, Vô tướng không rõ ràng, tức do tướng này, nên nói bốn Vô Sắc. Nếu định Hữu tướng từ Diệt định khởi tâm chung cho hữu lậu, vô lậu, thì lúc Diệt định khởi, hoặc nghịch với thứ lớp, nhập các Đăng chí. Hoặc trái với siêu việt, nhập các Đăng chí, chấp nhận có Khởi Diệt định, vì tâm hiện ở trước.”

Lại có Luận sư khác nói: “Chỉ y cứ Vô lậu, Hữu Xứ “duyên” Niết-bàn, lúc tâm khởi Diệt định, nói là xúc chạm với ba Xúc, do vô lậu, nên gọi là bất động. Vì thuộc về Địa Vô sở hữu Xứ, nên gọi là Vô sở hữu. Vì “duyên” Niết-bàn, nên gọi là Vô tướng.”

Giải thích như kinh Ma-Ha Câu-hi-la nói rằng sẽ xúc”.

Ba sư này đều giải thích không đồng: Sư đầu tiên nói: “Nghĩa là Ngã, ngã sở chấp, điệu, cử, gọi là động Không vô ngã hạnh, là hạnh năng đối trị, là chủ thể phát động, nên gọi là Bất động. Bất động tương ứng với Xúc, gọi là Xúc Bất động.

Tâm tham chấp cảnh, gồm thân làm cái có của mình. Vì có đối tượng chấp, nên gọi là “sở hữu”. Tam-ma-địa Vô nguyện dứt trừ “sở hữu”, gọi là “Vô sở hữu”. Ngoài ra, như thuyết trước đã nói.

Sinh tử có mười tướng, trong Niết-bàn, Vô vi không có tướng. Không có tướng tức là định. Vì “duyên” không có tướng, nên là Vô tướng. Các pháp khác như thuyết trước đã nói. Đây là thể tánh của ba Xúc. Lúc không có tâm, không có các Xúc này. Khi xuất định, bỗng nhiên gặp hành trong cửa môn, bỗng gặp vách v.v... đây nói là nghĩa ba Xúc.

Thuyết thứ hai nói: “Phương tiện của Thức Xứ chỉ quán về Thức. Phương tiện của Không Xứ cũng chỉ quán “không”, vì không có tướng khác, nên gọi là Bất động. Tướng đó tương ứng với Xúc, gọi là Xúc Bất động. Trong địa căn bản, dù chung với tướng khác, nhưng vì phương tiện mà nói, nên đều gọi là Bất động.

Vô sở hữu Xứ vì không có sở hữu thức khắp trước kia, nên gọi là Vô sở hữu.

Trong Địa Hữu Đảnh, không có Hữu tướng, Vô tướng, vì hai tướng rõ ràng, nên gọi là Vô tướng. Cho đến Hữu đảnh, không thể nói vì Vô tướng. Bốn Vô Sắc đều gọi là Hữu Tướng, đây nói là Thể của ba Xúc, Khởi Diệt định, tâm có cả hữu lậu. Nếu hữu lậu, hoặc trái thứ lớp, nhập

Phi tướng đẳng chí, gọi là xúc chạm với xúc vô tướng. Nếu nghịch siêu nhập Vô sở hữu Xứ và Vô lậu, nghịch thứ lớp nhận Vô sở hữu, đều là tiếp xúc với xúc sở hữu. Nếu vô lậu nghịch siêu nhập Thức Xứ, gọi là tiếp xúc với Xúc Bất động. Dù không nhất định được nhập Không Xứ, do cả hai Xứ đều gọi là Xúc Bất động. Một tức là tên Xúc đó.

Lại giải thích: “Luận sư này chẳng phải nghĩa chánh tông của Tát-bà-đa, mà là Luận sư khác chấp từ diệt Không Xứ v.v... nên có giải thích như thế.

Thuyết thứ ba: Chỉ lấy một niệm Vô lậu Vô sở hữu Xứ “duyên” với Diệt Đế Niết-bàn, do y cứ Đế là Vô lậu, chẳng phải hữu lậu, nên gọi là Bất động. Y cứ Địa, gọi là Vô sở hữu Xứ. Y cứ đối tượng duyên, gọi là Vô tướng. Vô tướng ấy tương ứng với Xúc có ba thứ tên, khi nhập vào tâm ấy gọi là ba xúc. Nay, trong văn này có hai Luận sư giải thích; giải thích đầu này khác với chánh lý của Bà-sa, nghĩa là khi xuất định phần nhiều do ba cảnh.

1/ Duyên cảnh Hữu mà khi xuất định, Xúc chạm Vô ngã v.v.... Đây là “duyên” trong thân, tác động hạnh vô ngã mà xuất Diệt định, không bị ngã mạn v.v... làm khuynh động.

2/ “Duyên” Đạo đế. Đạo năng nhận lấy cảnh. Nay ra khỏi Diệt định, năng duyên với cảnh, Đạo đế là cảnh, gọi là chấp cảnh, chấp cảnh không sinh tham v.v.... Tiếp xúc với Xúc Vô sở hữu, do Đạo không hay tăng trưởng tham, sân v.v.... Hoặc gọi là tiếp xúc với Xúc Vô sở hữu. Vì tướng không tư duy, nên “duyên” cõi Vô tướng. Cho nên, nói là tiếp xúc với Xúc Vô tướng. Nghĩa là nếu “duyên” Diệt Đế khi xuất Diệt định, gọi là “duyên” cảnh Diệt, lia các tướng.

Thuyết thứ hai nói: “Đây là dựa vào nghĩa chưa tự tại, nên phải theo thứ lớp. Do tâm định phát ra tiếp xúc với Xúc bất động là Đẳng Trì “không”. Xúc, với Xúc Vô sở hữu là Đẳng Trì Vô nguyện. Tiếp xúc với Xúc Vô tướng là Đẳng Trì Vô tướng.

3/ Dựa vào tự tại. Nghĩa là vượt qua tất cả Địa, tùy theo Định mà Địa đó khởi, hoặc “duyên” tản mát; “duyên” lý, “duyên” trong, duyên xúc chạm với ba thứ Xúc. Ba Xúc trong có tự Thể, gọi là cảnh “hữu”; sáu trần bên ngoài, gọi là cảnh của cảnh. Lý Vô tướng gọi là cảnh Diệt. Do nhập Diệt định, chiết phục tâm xong, phiền não không khuấy động. Ba căn không nhiễu, chẳng phải tướng bị rối loạn, chỉ dùng tâm thiện mà phát ra định.

Nay, xét ý văn, phần nhiều dựa vào tâm định phát ra sự xúc chạm ba thứ Xúc. Dưới đây là phần kết chung.